

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**

**ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG QUỐC
VÀ HOA KỲ TRÊN BIỂN ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2021
DỰA TRÊN CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC VÀ LÝ THUYẾT
TRÒ CHƠI HAI TẦNG**

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đà Lạt, 05/2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
THAM GIA XÉT GIẢI THƯỜNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG QUỐC
VÀ HOA KỲ TRÊN BIỂN ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2021
DỰA TRÊN CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC VÀ LÝ THUYẾT
TRÒ CHƠI HAI TẦNG

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Văn Hiếu

Nam, Nữ: Nam

Dân tộc: Kinh

Lớp: QHK44 Khoa: Quốc tế học

Năm thứ: 2/4

Ngành học: Quốc tế học

Người hướng dẫn: Th.S Ngũ Chánh Hào

Đà Lạt, 05/2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu	4
6. Tính mới của đề tài.....	5
7. Bố cục của đề tài	5
GIỚI THIỆU	6
CHƯƠNG 1: NHU CẦU, TẦM NHÌN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG QUỐC TRÊN BIỂN ĐÔNG.....	8
1.1. Nhu cầu bản thể của Trung Quốc liên quan đến Biển Đông.....	8
1.1.1. Nhu cầu phát triển kinh tế	8
1.1.2. Nhu cầu phát triển an ninh	9
1.1.3. Tham vọng bá quyền toàn cầu	10
1.2. Tầm nhìn địa chính trị của Trung Quốc trên Biển Đông.....	11
1.2.1. Tầm nhìn về kinh tế.....	11
1.2.2. Tầm nhìn về an ninh.....	12
1.2.3. Tầm nhìn bá quyền toàn cầu	15
1.3. Chiến lược của Trung Quốc ở Biển Đông - Sáng kiến Vành đai và Con đường	16
1.3.1. Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI	16
1.3.2. Mục đích của Con đường Tơ lụa trên biển thế kỷ XXI	17
1.4. Tiểu kết chương 1	18
CHƯƠNG 2: NHU CẦU, TẦM NHÌN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA HOA KỲ TRÊN BIỂN ĐÔNG	20
2.1. Lợi ích của Hoa Kỳ ở Biển Đông.....	20

2.1.1. Nhu cầu về chính trị	20
2.1.2. Nhu cầu về kinh tế.....	21
2.1.3. Nhu cầu về an ninh.....	22
2.2. Tầm nhìn của Hoa Kỳ ở Biển Đông.....	24
2.2.1. Tầm nhìn chính trị.....	24
2.2.2. Tầm nhìn kinh tế	25
2.2.3. Tầm nhìn an ninh	27
2.3. Chiến lược của Hoa Kỳ ở Biển Đông	28
2.3.1. Chiến lược chính trị.....	28
2.3.2. Chiến lược kinh tế.....	30
2.3.3. Chiến lược an ninh	32
2.4. Tiểu kết chương 2.....	34
CHƯƠNG 3: NHỮNG KHẢ NĂNG XẢY RA TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG GIỮA HOA KỲ VÀ TRUNG QUỐC THEO LÝ THUYẾT TRÒ CHƠI HAI TẦNG	35
3.1. Tương tác trên Biển Đông giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.....	35
3.2. Phân tích chính trị nội bộ Hoa Kỳ và Trung Quốc	42
3.2.1. Chính trị nội bộ Hoa Kỳ.....	42
3.2.2. Chính trị nội bộ Trung Quốc.....	46
3.3. Tiểu kết chương 3.....	49
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	51
1. Kết luận	51
2. Kiến Nghị	52
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Hình ảnh 1: Bản đồ các quần đảo Biên Đông và hệ thống phòng thủ - Hệ thống chuỗi đảo.....	8
Hình ảnh 2: Các con đường của Sáng kiến Vành đai và Con đường.....	12
Bảng 1: Biểu đồ thống kê các trường hợp xảy ra xung đột giữa Mỹ - Trung ở Biên Đông.....	36
Hình ảnh 3: Các cấp độ đàm phán của Mỹ và Trung Quốc.....	37
Hình ảnh 4: Bản đồ xu hướng của dư luận Mỹ về chiến dịch quân sự của họ ở Việt Nam.....	40

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
1	A2/AD	Anti-Access/Area Denial	Chống Tiếp cận và Xâm nhập Khu vực
2	ACE	Automated Commercial Environment	Môi trường thương mại tự động
3	APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
4	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
5	BRI	Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai và Con đường
6	CARAT	Cooperation Afloat Readiness and Training	Hợp tác huấn luyện và sẵn sàng trên biển
7	CSIS	Center for Strategic and International Studies	Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế
8	CLCS	Commission on the Limits of the Continental Shelf	Ủy ban Ranh giới thềm lục địa
9	DSR	Digital Silk Road	Con đường tơ lụa kỹ thuật số
10	FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
12	FOIP	Free and Open Indo-Pacific	Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở
13	FONOP	Freedom of Navigation operation	Hoạt động Tự do Điều hướng
13	IEA	International Energy Agency	Cơ quan năng lượng quốc tế
14	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
15	MSR	Maritime Silk Road	Con đường tơ lụa trên biển

16	OBOR	One Belt, One Road	Một vành đai, một con đường
17	RMSI	Regional Maritime Security Initiative	Sáng kiến An ninh Hàng hải Khu vực
18	SCS	South China Sea	Biển Đông
19	SREB	Silk Road Economic Belt	Vành đai kinh tế Con đường tơ lụa
20	TAC	Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia	Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á
21	TVPA	Trafficking Victims Protection Act	Đạo luật bảo vệ nạn nhân buôn người
22	UNCLOS	United Nations Convention on the Law of the Sea	Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển
23	B3W	Build Back Better World	Xây dựng lại thế giới tốt đẹp hơn

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Đánh giá một số hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ trên Biển Đông giai đoạn 2010 - 2021 dựa trên chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng.
- Sinh viên thực hiện: Nguyễn Văn Hiếu
- Lớp: QHK44 Khoa: Quốc tế học Năm thứ: 02 Số năm đào tạo: 04
- Người hướng dẫn: Th.S Ngũ Chánh Hào

2. Mục tiêu đề tài:

Bài nghiên cứu khoa học “Đánh giá một số hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ giai đoạn 2010 - 2021 dựa trên chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng” chúng tôi sẽ tập trung vào những vấn đề sau:

(i) Làm rõ bối cảnh Địa chính trị trong thế kỷ 21 tại khu vực Biển Đông - một trong những khu vực có vai trò và tầm quan trọng bậc nhất trong việc lưu thông hàng hải và là con đường vận chuyển huyết mạch trên biển của thế giới. Đồng thời đánh giá những tương tác chính trị qua các chính sách đối ngoại về chính trị, kinh tế, an ninh của Trung Quốc và Hoa Kỳ.

(ii) Phân tích những nhu cầu bản thể, tầm nhìn và chiến lược trên Biển Đông của Trung Quốc trong việc tác động và mở rộng ảnh hưởng quyền lực của mình tại khu vực này, cũng như là đánh giá các tác động lợi ích và rủi ro trong tham vọng của Trung Quốc dựa trên lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực.

(iii) Đánh giá những động thái của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc tại Biển Đông để làm rõ sự thay đổi chính sách của nước này sẽ thay đổi ra sao và đã có những tác động nào ảnh hưởng đến Trung Quốc. Cùng với đó, chúng tôi sẽ phân tích những mục tiêu trước kẻ thách thức vị trí đứng đầu của Hoa Kỳ và những chiến lược cốt lõi trong việc kiềm chế Trung Quốc để đảm bảo duy trì được vị thế ảnh hưởng của mình tại khu vực cũng như là thế giới.

(iv) Qua mô hình lý thuyết trò chơi hai tầng để phân tích những ảnh hưởng của các chiến thuật trong các chính sách ngoại giao của hai cường quốc và các sự kiện của

hai quốc gia này trên Biển Đông. Từ đó, chúng tôi sẽ đặt ra các giả thiết cũng như dự đoán khả năng xảy ra tranh chấp trên khu vực Biển Đông của hai quốc gia này.

3. Tính mới và sáng tạo:

Bài nghiên cứu đã làm rõ được những vấn đề trong cạnh tranh giữa hai cường quốc Mỹ - Trung hiện nay. Điều này cho thấy Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong các khía cạnh về lợi ích an ninh, chính trị và kinh tế. Những lợi ích này đã phần nào tác động đến việc hình thành chính sách và tầm nhìn chiến lược giữa hai nước.

Đối với Hoa Kỳ, với tầm nhìn chiến lược và chính sách của mình đã cho thấy sự tìm hãm tham vọng bành trướng Biển Đông của Trung Quốc, đồng thời là bảo vệ các lợi ích của mình.

Đối với Trung Quốc, sự hiện diện của Hoa Kỳ tại Biển Đông đã tác động đến quyền lợi và tạo nên nhiều cản trở trong việc mở rộng lãnh thổ của mình. Cùng với đó, Trung Quốc đã có những chính sách nhằm bảo vệ được lợi ích của mình, những động thái này sẽ được thể hiện rõ qua phân tích đánh giá qua lý thuyết trò chơi hai tầng.

4. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã làm rõ các nhu cầu bản thể, tầm nhìn và chính sách của cả Hoa Kỳ và Trung Quốc ở Biển Đông. Đồng thời, dưới lăng kính của chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng, đề tài đã khái quát được nguyên nhân và xu hướng hành động của Hoa Kỳ và Trung Quốc ở khu vực trên.

Đối với Hoa Kỳ, các lợi ích kinh tế, chính trị và quân sự của nước này ở khu vực Biển Đông cần được duy trì và phát triển thông qua sự bảo đảm an ninh và tự do trong khu vực để khẳng định vị thế siêu cường trên toàn thế giới. Tuy nhiên, sự kiểm chế đối trọng trong hệ thống chính trị và mức độ đồng thuận của dư luận đã tác động khá lớn đến việc hoạch định chính sách cũng như sự can thiệp của Mỹ ở khu vực Biển Đông.

Đối với Trung Quốc, các vấn đề về địa chính trị, chủ nghĩa dân tộc và lợi ích kinh tế đã thúc đẩy nước này thực hiện tham vọng bành trướng ở khu vực Biển Đông. Đồng thời, để duy trì sự ổn định phát triển lâu dài, Trung Quốc đã có sự kiểm chế nhất định trong các hành động của mình ở khu vực.

Nhìn chung, xung đột giữa Mỹ và Trung Quốc ở Biển Đông là khó tránh khỏi. Tuy nhiên, đứng trước “cán cân lợi ích” hai quốc gia này sẽ cân nhắc các rủi ro trong

xung đột. Từ đó, có thể dẫn tới sự thỏa hiệp giữa hai bên nhằm giữ sự ổn định và đạt được lợi ích cao nhất cho cả hai bên.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài:

Chúng tôi đã làm rõ được các khía cạnh trong chính sách cạnh tranh và tầm nhìn chiến lược giữa hai nước trước bối cảnh cạnh tranh căng thẳng giữa hiện nay.

Đồng thời, nhóm đã áp dụng được chủ nghĩa hiện thực cũng như lý thuyết trò chơi hai tầng, đây là những lý thuyết xương sống của đề tài, là công cụ lý thuyết chủ yếu để có thể đưa ra những nhận định cơ bản và toàn diện trong bài nghiên cứu.

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài: Hiện tại nhóm chưa có bài công bố khoa học.

Ngày 16 tháng 05 năm 2022

**Sinh viên chịu trách nhiệm chính
thực hiện đề tài**

(ký, họ và tên)

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài:

Nhóm nghiên cứu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Cụ thể, nhóm đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học đề ra từ đầu, làm rõ được các vấn đề nghiên cứu, sử dụng nhiều tài liệu tham khảo chất lượng trong và ngoài nước, và có kết luận mang tính khoa học cao.

Xác nhận của trường đại học
(ký tên và đóng dấu)

Ngày 16 tháng 05 năm 2022

Người hướng dẫn
(ký, họ và tên)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN
CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

I. SƠ LƯỢC VỀ SINH VIÊN:

Họ và tên: Nguyễn Văn Hiếu

Sinh ngày: 7 tháng 7 năm 1998

Nơi sinh: Cát Hải, Phù Cát, Bình Định

Lớp: QHK44

Khóa: 44

Khoa: Quốc tế học

Địa chỉ liên hệ: 91 Vạn Hạnh, phường 8, Đà Lạt

Điện thoại: 0935415674 Email: 2015379@dlu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP:

*** Năm thứ 1:**

Ngành học: Quốc tế học Khoa: Quốc tế học

Kết quả xếp loại học tập: Khá

Sơ lược thành tích: Trung bình môn học kỳ 1: Điểm GPA hệ số 4: 2.69

Trung bình môn học kỳ 2: Điểm GPA hệ số 4: 2.80

*** Năm thứ 2:**

Ngành học: Quốc tế học

Khoa: Quốc tế học

Kết quả xếp loại học tập: Giỏi

Sơ lược thành tích: Trung bình môn học kỳ 1: Điểm GPA hệ số 4: 3.07

Ngày 16 tháng 05 năm 2022

Xác nhận của trường đại học

(ký tên và đóng dấu)

Sinh viên chịu trách nhiệm chính

thực hiện đề tài

(ký, họ và tên)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, Biển Đông cùng với các eo biển trọng yếu đang là nơi có vai trò địa chiến lược quan trọng trong lưu thông hàng hải và kết nối các khu vực từ châu Á đến châu Âu. Do đó, khu vực này đã có những ảnh hưởng và tác động đến toàn bộ cục diện về khía cạnh an ninh - chính trị cũng như là kinh tế ở cấp độ khu vực và toàn cầu. Chính vì vậy, Biển Đông đang dần trở thành “điểm nóng” trong các chiến lược để đảm bảo lợi ích cũng như là tìm kiếm sức mạnh trong cán cân quyền lực giữa các cường quốc.

Tuy vậy, hiện nay vị trí cường quốc số một thế giới của Hoa Kỳ đang bị đe dọa và thách thức bởi sự trỗi dậy và bành trướng của Trung Quốc. Chính vì vậy, chính quyền Washington đã có những chính sách đối đầu nhằm tạo thế gọng kìm trước sự bành trướng và những tham vọng về quyền lực của Bắc Kinh.

Chính điều này đã tạo nên tác động đến cục diện an ninh - chính trị và kinh tế toàn thế giới bởi cường độ tranh chấp giữa hai nước ngày càng leo thang căng thẳng, điều đã được thể hiện rõ ngay sau khi tổng thống thứ 45 của Hoa Kỳ - Donald Trump nhậm chức vào năm 2016 qua những chính sách ngoại giao cứng rắn của chính quyền Trump đã tạo áp lực đến Bắc Kinh và dẫn đến sự căng thẳng trong mối quan hệ Mỹ - Trung. Từ đó, tạo nên những ảnh hưởng đan xen và đa chiều, các tác động tích cực lẫn tiêu cực trước những diễn biến phức tạp trên nhiều phương diện giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ tại Biển Đông.

Qua đề tài nghiên cứu *“Đánh giá một số hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ trên Biển Đông giai đoạn 2010 - 2021 dựa trên chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng”*, chúng tôi muốn làm rõ bối cảnh và tầm quan trọng của Địa chính trị tại khu vực Biển Đông đối với hai cường quốc Hoa Kỳ và Trung Quốc. Hơn thế nữa, đề tài sẽ có những đánh giá và đưa ra những dự báo trong tương lai về những hành động tranh chấp trên Biển Đông giữa hai quốc gia thông qua lý thuyết trò chơi hai tầng.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Hiện tại, với đề tài: “Đánh giá một số hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ trên Biển Đông giai đoạn 2010 - 2021 dựa trên chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng”, có các công trình trong nghiên cứu sau:

Trong bài phân tích cuốn sách “Tầm nhìn lạc quan? Tái cân bằng, đảm bảo và giải pháp chiến lược cho quan hệ Mỹ - Trung” - Michael E. O’Hanlon và James Steinberg, của chúng tôi Ngô Thị Thu Hương (2019), đã cho thấy hai ý chính: *một là*, các nguyên nhân dẫn đến xung đột, căng thẳng leo thang của hai cường quốc Mỹ - Trung; *hai là*, những đề xuất nhằm xoa dịu và giảm nhẹ căng thẳng leo thang giữa hai cường quốc.

Trong bài phân tích cuốn sách “Dừng Tàu Đột Ngột: Cọ xát Sức mạnh Mỹ - Trung ở Biển Đông” - Michael Fabey của nhóm tác giả: Đinh Tuấn Anh, Vũ Quang Tiếp (2019), đã đề cập về tham vọng của Trung Quốc và sự căng thẳng đang diễn ra tại Biển Đông. Đồng thời, nhóm tác giả cũng có những đánh giá toàn diện trước diễn biến căng thẳng leo thang giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trên Biển Đông và phân tích các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trên khía cạnh quân sự để thể hiện sức mạnh của mình đến chính quyền Bắc Kinh.

Tiếp đến, trong bài báo nghiên cứu khoa học của tác giả Nguyễn Ngọc Anh “Chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ và tác động của nó đến Quan hệ Mỹ - Trung nhìn từ cấp độ hệ thống” (2019) đã có những phân tích, nhìn nhận sâu sắc về các chiến lược kiềm chế sự trỗi dậy của Bắc Kinh. Đồng thời, thông qua các khía cạnh về kinh tế, quyền lực mềm, quân sự mà Trung Quốc triển khai, tác giả đã cho thấy những thách thức của nó đối với Hoa Kỳ, từ đó có những cái nhìn sâu sắc về mối quan hệ xung đột lợi ích giữa chính quyền Washington và Bắc Kinh.

Đối với những công trình nghiên cứu nước ngoài về đề tài đã có các công trình nghiên cứu sau:

Hai tác giả Hal Brands và Zack Cooper đăng trên tạp chí Naval War College bài nghiên cứu “Getting Serious About Strategy in The South China Sea” (2018), qua đó nhóm tác giả cho thấy những phân tích trong việc nhìn nhận tầm quan trọng, vai trò của Biển Đông tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Cùng với đó, trước sự trỗi dậy và bành trướng quyền lực của Trung Quốc, nhóm tác giả đưa ra những đánh giá về ảnh hưởng của nó tại khu vực này. Hơn thế nữa, trong bài nghiên cứu cũng có những phân tích, đánh giá toàn diện về vai trò của Hoa Kỳ tại Biển Đông cũng như tại châu Á - Thái Bình Dương. Từ đó, bài nghiên cứu đưa ra những đề xuất và lựa chọn trong việc hình thành sách lược của chính quyền Washington tại Biển Đông.

Bài báo nghiên cứu “Dynamics of the Trump Administration’s Policy on the South China Sea” (2018) của tác giả Su Xiaohui đã làm rõ được những tác động và hành động còn hạn chế trong chính sách ngoại giao của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đối với Trung Quốc trên Biển Đông và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Bài nghiên cứu “The South China Sea: Troubled Waters in China - U.S. Relations” (2017) của tác giả Cai Penghong cũng đã có những nhìn nhận toàn diện về tư duy trong chính sách đối ngoại “nước Mỹ trên hết” của Hoa Kỳ dưới thời kỳ Tổng thống Donald Trump. Qua đó, tác giả cho thấy mối quan hệ xung đột về lợi ích kinh tế - quân sự giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tại Biển Đông.

Qua bài bài phân tích – đánh giá chiến lược “Biden’s Indo-Pacific Strategy: Expectations and Challenges” (2021) của hai tác giả Yogesh Joshi và Archana Atmakuri xuất bản trên Viện Nghiên cứu Nam Á (The Institute of South Asian Studies - ISAS), đã có những phân tích đánh giá sâu sắc về triển vọng của các chính sách dưới chính quyền Tổng thống Joe Biden tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau những biến động và tác động của chính quyền đương thời. Đồng thời, là những nhận định về những ảnh hưởng mà Hoa Kỳ tác động đến cục diện Mỹ - Trung trong bối cảnh trỗi dậy mạnh mẽ của Bắc Kinh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu khoa học “*Đánh giá các một số hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ trên Biển Đông giai đoạn 2010 - 2021 dựa trên chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng*” chúng tôi sẽ tập trung vào những vấn đề sau:

Đầu tiên, chúng tôi sẽ làm rõ bối cảnh Địa chính trị trong thế kỷ 21 tại khu vực Biển Đông - một trong những khu vực có vai trò, tầm quan trọng bậc nhất trong lưu thông hàng hải và là huyết mạch thương mại toàn cầu.

Thứ hai, phân tích tham vọng chính trị trên Biển Đông của Trung Quốc thông qua sách lược cạnh tranh đối với Hoa Kỳ trong việc tác động mở rộng ảnh hưởng tại Biển Đông. Đồng thời, đưa ra đánh giá về các tác động lợi ích và rủi ro trong tham vọng của Trung Quốc dựa trên chủ nghĩa hiện thực để làm rõ sâu sắc và toàn diện về tham vọng của Bắc Kinh trong các xung đột của nước này với Hoa Kỳ.

Thứ ba, đánh giá những động thái của Mỹ đối với Trung Quốc tại Biển Đông để làm rõ những tác động của Mỹ đã tạo ra đối với chính quyền Tập Cận Bình. Cùng với

đó, chúng tôi sẽ phân tích những hành động và chiến lược của Hoa Kỳ để cân bằng “cán cân” quyền lực và duy trì lợi ích của mình trước sự bành trướng của Trung Quốc.

Cuối cùng, chúng tôi sẽ áp dụng mô hình lý thuyết trò chơi hai tầng để phân tích những ảnh hưởng, chiến thuật trong các sự kiện trên biển của hai cường quốc theo các khía cạnh về chính trị - kinh tế và an ninh. Từ đó đặt ra các giả thiết và dự đoán về khả năng xảy ra tranh chấp tại khu vực Biển Đông.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là Trung Quốc - Hoa Kỳ và mối quan hệ của họ tại khu vực Biển Đông.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài bao hàm các vấn đề đáng chú ý của quan hệ quốc tế trên Biển Đông. Dưới lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích các hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ trên Biển Đông trong giai đoạn 2010 - 2021. Từ đó, đưa ra các đánh giá tổng hợp và các dự đoán trong tương lai về mối quan hệ cạnh tranh của hai cường quốc này trên bản đồ chính trị thế giới dựa trên lý thuyết trò chơi hai tầng.

5. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, nhóm tác giả tiếp cận thông tin chủ yếu qua các sách, bài báo khoa học, tin tức mang tính thời sự, tức thời liên quan đến các vấn đề và hoạt động của Mỹ - Trung trên Biển Đông. Đồng thời, tiến hành xem xét các chính sách trên biển của hai quốc gia này kết hợp với luật biển quốc tế để có những cái nhìn khách quan nhất.

Cơ sở lý luận: Chúng tôi sử dụng chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng để phân tích, đánh giá các hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ trên Biển Đông trong giai đoạn 2010 - 2021.

Các phương pháp nghiên cứu được nhóm tác giả sử dụng bao gồm:

Phương pháp phân tích, với phương pháp này nhóm chúng tôi sẽ tiến hành phân chia tác động, ảnh hưởng và hành động của Mỹ - Trung dựa trên nhiều lĩnh vực, nhóm quốc gia khác nhau nhằm có cái nhìn sâu sắc và toàn diện để đưa ra những đánh giá khách quan, nhiều chiều.

Phương pháp thu thập số liệu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp này để thu thập và sử dụng những thông tin đã sẵn có từ các nguồn khác nhau để làm rõ các vấn đề trong thực tiễn của Trung Quốc lẫn Hoa Kỳ từ tài liệu tham khảo.

Phương pháp lịch sử, là công cụ giúp chúng tôi phân tích và giải thích các sự kiện diễn ra trên Biển Đông đi từ quá khứ đến hiện tại, làm tiền đề để đánh giá các hoạt động kinh tế - chính trị giữa Bắc Kinh và Washington.

6. Tính mới của đề tài

Bài nghiên cứu đã làm rõ được những vấn đề trong cạnh tranh giữa hai cường quốc Mỹ - Trung hiện nay. Điều này cho thấy rằng Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong các khía cạnh về lợi ích an ninh, chính trị, kinh tế. Trước lợi ích mà Biển Đông mang lại đã tác động đến việc hình thành chính sách, tầm nhìn chiến lược giữa hai nước.

Đối với Hoa Kỳ, với tầm nhìn chiến lược và chính sách của mình đã cho thấy sự kìm hãm tham vọng bành trướng Biển Đông của Trung Quốc đồng là bảo vệ các lợi ích của mình.

Đối với Trung Quốc, sự hiện diện của Hoa Kỳ tại Biển Đông đã tác động đến quyền lợi và tạo nên nhiều cản trở trong việc mở rộng lãnh thổ của mình. Cùng với đó, Trung Quốc đã có những chính sách nhằm bảo vệ được lợi ích của mình, những động thái này sẽ được thể hiện rõ qua phân phân tích đánh giá qua lý thuyết trò chơi hai tầng.

7. Bố cục của đề tài

Ngoài phần: mở đầu, giới thiệu, kết luận và kiến nghị, nội dung bài nghiên cứu gồm có 3 chương:

- Chương 1: Nhu cầu, tầm nhìn và chính sách địa chính trị của Trung Quốc trên Biển Đông
- Chương 2: Nhu cầu, tầm nhìn và chính sách địa chính trị của Hoa Kỳ trên Biển Đông
- Chương 3: Những khả năng xảy ra tranh chấp Biển Đông giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc theo lý thuyết trò chơi hai tầng

GIỚI THIỆU

Thế kỷ 21 được xem là thời kỳ châu Á trỗi dậy với việc Trung Quốc đang trên đà trở thành siêu cường thứ hai trên thế giới, Bắc Kinh có đủ tiềm năng trong việc đặt ra những thách thức với vai trò và vị thế của Hoa Kỳ trên trường quốc tế. Điều đó đã góp phần quan trọng thúc đẩy Hoa Kỳ thực hiện chiến lược “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương nhằm kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như bảo vệ “vị trí số 1” của Hoa Kỳ. Trong sự cạnh tranh giữa hai cường quốc này, Biển Đông có vị trí đặc biệt quan trọng đối với những lợi ích của chính họ.

Qua bài nghiên cứu, chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò chơi hai tầng là công cụ hữu hiệu giúp chúng tôi có thể nhìn nhận sâu sắc cục diện tổng quan của cuộc xung đột Mỹ - Trung ở thời điểm hiện tại cũng như đưa ra các dự báo các khả năng diễn ra trong tương lai.

(i) Đối với Trung Quốc, nước này muốn đảm bảo các nhu cầu lợi ích quốc gia của chính mình, hơn thế nữa là ham muốn quyền lực tại Biển Đông và dùng nó làm “bàn đạp” để củng cố vị thế của mình tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nhu cầu bản thể của Trung Quốc trên Biển Đông bao gồm phát triển kinh tế, phát triển an ninh và một “giấc mộng” bá quyền toàn cầu với mong muốn trở thành một “cường quốc biển”. Chính vì vậy, Bắc Kinh đã đưa ra các chính sách và tầm nhìn nhằm thực thi hóa các tham vọng của mình.

(ii) Đối với Hoa Kỳ, trong thế kỷ 21 nước này phải đối mặt với nhiều thách thức mới về chính trị, kinh tế cũng như an ninh quân sự ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong đó có Biển Đông. Điều đó đã tạo nên sự đe dọa đến vai trò và lợi ích của Hoa Kỳ ở khu vực trên. Mặc dù không có chủ quyền ở Biển Đông nhưng lợi ích của Washington ở khu vực này là khá lớn cả về chính trị, kinh tế lẫn vị thế trên trường quốc tế bởi Hoa Kỳ đóng vai trò là một nước lớn trong khu vực Thái Bình Dương. Do đó, việc đảm bảo an ninh và duy trì những nguyên tắc ứng xử theo luật pháp quốc tế ở khu vực này có ý nghĩa quan trọng đối với Hoa Kỳ trong việc duy trì vai trò và quyền lực của mình ở khu vực cũng như trên toàn thế giới.

(iii) Qua góc nhìn của chủ nghĩa hiện thực, cuộc xung đột Mỹ - Trung có thể được làm rõ qua việc hai bên đặt lợi ích quốc gia làm mục tiêu hàng đầu để đặt ra các tầm nhìn cũng như đưa ra các chiến lược cụ thể nhằm đạt được những lợi ích cao nhất về phía mình. Tuy nhiên, việc đơn thuần thực thi các chiến lược mà bỏ qua những cân

nhắc về ảnh hưởng, tác động đến các bên liên quan có thể sẽ dẫn tới sự mâu thuẫn và xung đột lợi ích. Điều đó sẽ dẫn tới việc mỗi bên nhận lấy những kết quả xấu nhất về mình. Từ đó, qua lý thuyết trò chơi hai tầng các chiến lược được cân nhắc một cách sâu sắc từ lợi ích cao nhất cho đến nhu cầu tối thiểu ở mỗi bên. Cùng với đó là các vấn đề liên quan đến nội tại của hai nước để đưa ra những chiến lược và hành động phù hợp nhằm đem lại kết quả tốt nhất có thể.

CHƯƠNG 1: NHU CẦU, TẦM NHÌN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG QUỐC TRÊN BIỂN ĐÔNG

1.1. Nhu cầu bản thể của Trung Quốc liên quan đến Biển Đông

1.1.1. Nhu cầu phát triển kinh tế

Trước hết, nhu cầu của Trung Quốc tại Biển Đông đến từ nguồn lợi thủy hải sản do Biển Đông là nơi rất giàu tài nguyên và sinh vật sống. Đây là nhu cầu cơ bản đáp ứng sinh kế của người dân Trung Hoa đồng thời góp phần phát triển nền kinh tế của nước này. Hơn nữa, Biển Đông đóng vai trò là ngư trường cho ngư dân Trung Quốc đặc biệt là những người sống gần biển. Kể từ năm 2010, Trung Quốc đã trở thành một trong những nước có ngành đánh bắt cá lớn nhất thế giới (Zhang, 2012). Sản lượng cá xuất khẩu của nước này vào năm 2020 là 3,57 triệu tấn và trị giá 17,62 tỷ USD (Adam Branson, 2021). Ngành đánh bắt không chỉ đóng góp vào thu nhập đáng kể cho nền kinh tế quốc dân mà còn cho phép Trung Quốc đóng một vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế với tư cách là nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới. Ngoài ra, Trung Quốc còn là nơi tiêu thụ thủy sản hàng đầu của thế giới. Lượng tiêu thụ thủy sản của nước này chiếm 45% tổng lượng toàn cầu. Đặc biệt tại các khu vực ven biển phía đông, mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người vượt quá 25kg/người - thống kê tại Phúc Kiến, Hải Nam và Thượng Hải (Rodaint, 2020). Chỉ tính riêng năm 2018, người tiêu dùng Trung Quốc đã đặt 558 triệu đơn hàng thủy sản thông qua các sàn thương mại điện tử với trị giá hơn 3,8 tỷ USD (Adam Branson, 2021). Chính vì vậy, việc đảm bảo các ngư trường ngoài để phục vụ cho nhu cầu kinh tế mà còn đáp ứng nhu cầu lương thực ngày càng tăng cao của người dân Trung Quốc.

Ngoài sự phong phú về thủy hải sản, Biển Đông cũng rất giàu tài nguyên năng lượng đặc biệt là mỏ dầu. Trung Quốc với vai trò “cỗ máy” công nghiệp của thế giới sẽ có nhu cầu về năng lượng ngày một gia tăng, do đó, đối với Bắc Kinh dầu mỏ là một loại tài nguyên không thể thiếu. Mặc dù, Trung Quốc có sự phụ thuộc vào dầu mỏ từ các quốc gia Ả Rập, tuy nhiên nước này cũng khai thác dầu tại Biển Đông để phục vụ cho nền công nghiệp trong nước. Không chỉ vậy, Biển Đông còn là con đường nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc, chỉ tính vào năm 2020, nước này nhập khẩu 176,3 tỷ USD dầu thô (Workman, 2020). Hơn thế nữa, Trung Quốc còn là một trong các quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới. Lượng tiêu thụ dầu ở Trung Quốc lên tới 14,23 triệu thùng/ngày vào năm 2020, tăng từ 14,01 triệu thùng / ngày trong năm trước. Từ năm

1998 đến năm 2020, các con số đã tăng khoảng 10 triệu thùng mỗi ngày (N. Sönnichsen, 2021). Chính vì vậy, nếu sự vận chuyển năng lượng qua Biển Đông hay eo Malacca bị tắc nghẽn sẽ ảnh hưởng đến các vấn đề vận hành nền công nghiệp đang phát triển cũng như an sinh xã hội của chính Trung Quốc. Do đó, nếu Trung Quốc có thể kiểm soát được cả con đường vận chuyển năng lượng và các mỏ dầu tại khu vực này sẽ giúp Bắc Kinh đạt được những lợi ích rất lớn trong việc phát triển kinh tế quốc gia.

Bên cạnh đó, khu vực này có các quặng kim loại đất hiếm cao chưa được khai thác, đây là loại nguyên vật liệu rất cần thiết trong ngành công nghiệp điện tử. Đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc đang mong muốn trở thành một trong những nhà cung cấp hàng điện tử đứng đầu thế giới được bày tỏ qua kế hoạch “Made in China 2025”. Để hiện thực hóa điều đó, nước này phải chú trọng phát triển các công nghệ bán dẫn, công nghệ hàng không vũ trụ và AI mà những công nghệ này rất cần đến các loại đất hiếm. Tuy nhiên, trải qua nhiều năm khai thác lượng khoáng sản này đã dần bị mất đi trong lục địa Trung Quốc, vì vậy nước này cần nguồn khoáng sản đó ở Biển Đông để phục vụ cho ngành công nghiệp điện tử (Hiếu Trung, 2021).

1.1.2. Nhu cầu phát triển an ninh

Đối với Trung Quốc, Biển Đông không chỉ đem lại nguồn lợi để phát triển kinh tế mà còn là nơi để đảm bảo an ninh và lợi ích quốc gia. Biển Đông đóng vai trò là vùng đệm quan trọng đối với Trung Quốc, vì các quốc gia hoặc liên minh bên ngoài sẽ dễ dàng đặt sự tỏa thương mại hay bao vây Bắc Kinh thông qua việc thống trị Biển Đông. Do đó Trung Quốc mong muốn kiểm soát vùng biển này bởi nó cho phép họ tạo ra một hàng rào quân sự mà từ đó có thể thách thức bất kỳ mối đe dọa nào đến từ bên ngoài trong tương lai (R. Holmes, 2014).

Trung Quốc muốn sử dụng Biển Đông như một vùng đệm để phá vỡ chuỗi đảo phong tỏa của Hoa Kỳ và đồng minh, nhằm hạn chế những rủi ro khi “đụng độ” với Washington và tiến tới tham vọng thực thi các chính sách lãnh thổ. Do đó, Trung Quốc phải phát triển lớn mạnh quân sự đặc biệt là hải quân và đồng thời triển khai sự hiện diện của quân đội Trung Quốc tại các bờ biển, đảo thuộc vùng biển này.

Việc Trung Quốc kiểm soát các điểm quan trọng tại khu vực này như eo Malacca hay các chuỗi đảo (sẽ được trình bày cụ thể hơn ở chương sau), sẽ cho phép Trung Quốc thiết lập và phát triển các căn cứ quân sự phòng thủ. Vì vậy, Trung Quốc

mong muốn đội quân nước mình có mặt tại khu vực này với một quy mô lớn, và lực lượng này phải mang khả năng quân sự được xác định rõ ràng, có vai trò từ chối tiếp cận khu vực với các đối thủ tiềm tàng, đồng thời có thể ngăn cản các hoạt động quân sự nhằm vào Trung Quốc (R. Holmes, 2014).

Qua đó có thể thấy, Biển Đông đối với Trung Quốc đóng vai trò rất quan trọng về mặt phòng thủ chiến lược. Chính vì vậy, để theo đuổi cũng như để đạt được tham vọng “cường quốc biển” đã theo đuổi trong nhiều năm, việc Trung Quốc đầu tư và củng cố lực lượng hải quân là tất yếu để đảm bảo an ninh cho quốc gia khi có đường bờ biển lên đến hơn 11.000 dặm.

1.1.3. Tham vọng bá quyền toàn cầu

Sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh, hệ thống chính trị thế giới được Hoa Kỳ lãnh đạo. Tuy nhiên, hiện nay, trật tự thế giới đơn cực đang dần bị xói mòn bởi một số yếu tố, như sự phát triển nhanh chóng trạng thái đa cực - đề cao sự hợp tác, hay hơn thế nữa là sự phát triển mạnh mẽ của các cường quốc, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc. Điều này, theo lăng kính của chủ nghĩa hiện thực, Trung Quốc đang là một mối đe dọa đến sự ảnh hưởng của chính quyền Washington hiện nay.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực châu Á, cụ thể là tại Biển Đông đã và đang tạo ra các tác động đan xen lẫn nhau thông qua các chính sách ngoại giao đối với nhiều quốc gia trong khu vực. Cụ thể, Trung Quốc đã đưa ra những chính sách đối ngoại mà điển hình là “ngoại giao láng giềng” - nhấn mạnh sự hợp tác song song, nhưng đồng thời cũng tạo nên những áp lực đối với các quốc gia qua các hành động cưỡng ép thể hiện qua sự gây hấn tại các khu vực đặc quyền kinh tế của một số nước như Việt Nam hay Philippines.

Đặc biệt với Trung Quốc, từ lâu nước này đã có tham vọng trở thành “cường quốc biển”, bởi sức mạnh từ biển mang lại cho một quốc gia là vô cùng to lớn về cả an ninh lẫn kinh tế - điều đã được công nhận từ những quốc gia đi trước là Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha (Nguyễn, 2015). Từ thời đại khám phá, hai quốc gia trên đã có ngành hàng hải vô cùng phát triển với nhiều chuyến thám hiểm đi qua các đại dương và vùng đất mới, nhờ vào đó hai quốc gia này đã trở thành một trong những cường quốc từ cuối thế kỷ XVI đến những năm giữa thế kỷ XVII. Do đó, Trung Quốc muốn sử dụng Biển Đông như một vùng biển đặc quyền của quốc gia mình để thuận lợi trong củng cố

quyền lực, an ninh cũng như kinh tế nhằm bút phá trở thành một trong những “ông lớn” trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Hơn nữa, với mục đích bành trướng, có thể khẳng định rằng, Trung Quốc đang có những nỗ lực để mở rộng lãnh thổ và thực hiện tham vọng của mình, cùng với đó là giải quyết những vấn đề nan giải về địa chính trị đang kìm hãm sự trỗi dậy của nước này. Từ đây, có thể thấy rằng, Biển Đông là một trong những “đối tượng” mà Trung Quốc đang hướng tới để làm “bàn đạp” tiến tới vị trí “bá quyền”, do khu vực này đã và đang mang tiềm năng cũng như những nhu cầu cấp thiết để của Trung Quốc.

1.2. Tầm nhìn địa chính trị của Trung Quốc trên Biển Đông

1.2.1. Tầm nhìn về kinh tế

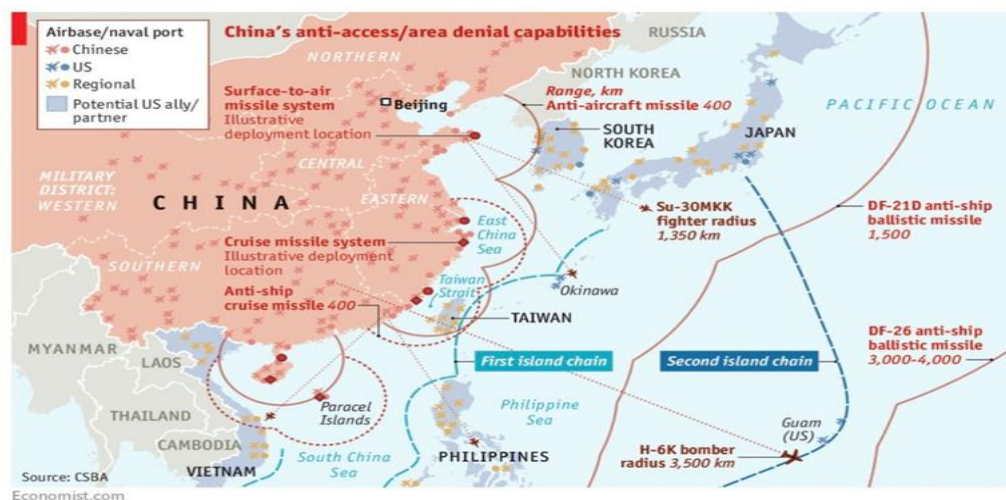
Trước bối cảnh kinh tế thế giới từ sau Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc đã chú trọng đến việc thay đổi các chính sách kinh tế trong nước nhằm mục tiêu khôi phục vị thế kinh tế của mình trên trường quốc tế. Kể từ khi tiến hành cải cách nền kinh tế từ năm 1978, Trung Quốc đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, nhờ đó tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc bắt đầu có sự tăng trưởng đáng kể, đạt mức 9% vào những năm 80 - 90, mặc dù chịu tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 1997 - 1998, song, đến năm 2004, kinh tế Trung Quốc đã lấy lại được tốc độ tăng trưởng trước đó, lên đến 16,8%. Điều đó đã giúp Trung Quốc trở thành một trong bốn nền kinh tế lớn trên thế giới với giá trị xuất khẩu chỉ đứng sau Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ (Ngô, 2007). Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng kinh tế 2008 đã làm bùng phát nên nạn thất nghiệp cũng như lạm phát tại Trung Quốc khiến cho năm 2008 GDP của nước này đã có thời điểm giảm đến thấp nhất là 6,8% (Nguyễn, 2009). Vì vậy, Trung Quốc một lần nữa thay đổi các phương châm kinh tế từ đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, sang kích thích nhu cầu tiêu dùng để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Lợi dụng thế mạnh về dân số, Trung Quốc đặt trọng tâm vào việc kích cầu trong nước và tập trung cải thiện cơ sở hạ tầng. Nhờ đó từ năm 2009, Trung Quốc đã có những tăng trưởng đáng kể, GDP tăng khoảng 8%, kết cấu kinh tế được điều chỉnh hợp lý hơn, tạo trên 9 triệu việc làm mới ở thành phố, tạo sự tăng trưởng ổn định trong thu nhập của cư dân thành phố và nông thôn (Nguyễn, 2009). Việc chú trọng vào nền kinh tế trong nước đã làm dư thừa khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa, Trung Quốc dần trở thành một quốc gia “xuất siêu” với giá trị kim ngạch tăng mạnh trong những năm gần đây. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tháng 11/2020,

kim ngạch xuất nhập khẩu của nước này đạt 460,7 tỷ USD - cao nhất kể từ năm 1979. Vào năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội của Trung Quốc tăng 8,1%, xuất khẩu tăng 29,9% (Wang, 2022), cũng trong năm này lần đầu tiên thương mại Trung Quốc chạm ngưỡng 6.000 tỷ USD (Trần, 2022). Điều này phần lớn đạt được nhờ vào xuất khẩu các mặt hàng nhu yếu phẩm hàng ngày đến các nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi COVID - 19.

Từ đó cho thấy, nền kinh tế Trung Quốc hiện nay phát triển đáng kể nhờ vào các ngành công nghiệp năng lượng, xuất và nhập khẩu. Chính vì vậy, hàng hải đóng vai trò trọng yếu trong các chiến lược của Trung Quốc về phát triển kinh tế quốc gia. Do đó, Biển Đông với vị trí “mấu chốt” trong tuyến đường giao thông huyết mạch trên biển nối từ Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương, sẽ là một trong những địa điểm quan trọng trong các sách lược của Trung Quốc. Bởi lẽ đó, nước này sẽ không ngừng gây áp lực lên khu vực này để đạt được quyền kiểm soát Biển Đông nhằm phục vụ cho những nhu cầu có thể đáp ứng cho nền kinh tế đang tăng trưởng vượt bậc của Bắc Kinh.

1.2.2. Tầm nhìn về an ninh

Tham vọng của Trung Quốc trong việc bành trướng quyền lực trên Biển Đông chưa bao giờ nguôi ngoai, khu vực này đối với Trung Quốc là nơi để nước này phát triển lớn mạnh hơn về quyền lực và đảm bảo được những lợi ích quốc gia của mình. Để làm được điều đó, Trung Quốc đã xây dựng ba vùng quân sự quan trọng trong khu vực Biển Đông, đây được xem như là ba vùng đệm quan trọng nhất của Trung Quốc trong chiến lược Biển Đông của mình, cụ thể là chiến lược Chống Tiếp cận và Xâm nhập khu vực - A2/AD (Anti-Access/Area Denial).



Hình ảnh 1: Bản đồ các quần đảo Biển Đông và hệ thống phòng thủ - Hệ thống chuỗi đảo (Chennai Centre for China Studies, 2020).

Đầu tiên, Trung Quốc đã mở rộng phạm vi tiếp cận Biển Đông bằng cách tạo ra một loạt cơ sở hạ tầng quân sự mới dưới dạng các đảo nhân tạo được trang bị đường băng, bãi ngầm, cơ sở neo đậu hỗ trợ hậu cần cho tàu Trung Quốc, cũng như các hệ thống phòng không cần thiết để bảo vệ cho chính Trung Quốc. Vùng thứ hai là Đảo Hải Nam - nối liền Biển Đông và đại lục, là nơi có căn cứ hải quân Du Lâm, nó là một trong những vị trí quan trọng trong việc triển khai chiến lược A2 /AD. Căn cứ này là nơi vận hành một loạt cơ sở hàng động dùng làm căn cứ cho các tàu ngầm hạt nhân chiến lược và là bến cảng lớn của Trung Quốc. Vùng thứ ba, là Đảo Cây thuộc quần đảo Hoàng Sa, nơi đây cùng với Đảo Hải Nam đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện chiến lược A2/AD ở Biển Đông. Đây là đảo lớn nhất trong số các đảo Hoàng Sa, nơi có vị trí chiến lược và được trang bị một đường băng nâng cấp có thể giám sát các mục tiêu của Trung Quốc ở xa như quần đảo Trường Sa (Vengalil, 2020). Với ba vùng đệm đóng vai trò phòng thủ trong chiến lược của mình, Trung Quốc muốn làm suy yếu lực lượng mà Hoa Kỳ đặt ở khu vực xung quanh Biển Đông; thứ nhất là để bảo vệ quốc gia, thứ hai là nhằm mục đích thiết lập lại quyền lực trong khu vực thông qua việc nắm quyền về hàng hải và nguyên nhiên liệu dồi dào tại Biển Đông.

Mặc dù sở hữu nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng, sự đầu tư hiện đại cho quốc phòng, tham vọng của Trung Quốc vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Trước hết là sự “không dễ dàng” trong việc phá vỡ chiến lược chuỗi đảo, đặc biệt là chuỗi đảo thứ nhất - nơi được xem như tàu sân bay của Hoa Kỳ trong khu vực Biển Đông. Chuỗi đảo này được tổ chức với bốn điểm quan trọng: “Đầu chuỗi đảo” là Hàn Quốc, “Đuôi chuỗi đảo” là Philippines, “Khóa chuỗi đảo” là Đài Loan, “Trọng tâm” là Nhật Bản (Việt Dũng, 2012). Trung Quốc có thể áp đảo về lực lượng quân sự đối với Philippines hoặc các nước khác. Tuy nhiên, Nhật Bản là một đối thủ khó giải quyết của Trung Quốc. Vì vậy có thể nói, trong chiến lược này, chuỗi đảo của Nhật Bản là thách thức lớn của Trung Quốc do sự bất lợi về địa hình. Theo Tom Shugart, căn cứ tàu ngầm của Trung Quốc hầu như nằm tại các vùng nước nông, để tiến hành thực chiến, lực lượng này phải đi qua vùng nông trước khi tiến vào vùng nước sâu hơn. Do đó, các tàu ngầm Trung Quốc dễ bị giám sát và theo vết, điều này trái ngược với khu vực của Nhật Bản, nơi có vùng nước sâu, tàu ngầm có thể ngay lập tức lặn xuống (Vũ, 2021) đây là một

bất lợi rất lớn đối với Bắc Kinh. Chính vì vậy, Trung Quốc đã đặt một mối quan tâm rất lớn đối với sự phát triển về tàu ngầm, nước này dành gần 20% ngân sách quốc phòng cho hải quân, tàu ngầm thông thường tăng từ 35 lên 100 chiếc, tàu mang tên lửa tăng từ 20 lên 200 chiếc mặc dù các tàu chiến này không được trang bị các vũ khí hiện đại và tân tiến. Những năm sau đó, hải quân Trung Quốc tiếp tục phát triển một cách đáng kinh ngạc khi đưa vào chiến đấu tàu ngầm lớp 092 mang 12 tên lửa đạn đạo JL-2 và 5 tàu ngầm tấn công 093 trang bị 6 tên lửa hành trình SY-2 vào năm năm 1986 (Nguyễn, 2019).

Trung Quốc chú trọng phát triển hải quân vào thời điểm hải quân của Hoa Kỳ đã có chỗ đứng trên bản đồ quân sự của thế giới, vì vậy muốn cạnh tranh với Hoa Kỳ trên mặt nước đòi hỏi Trung Quốc phải đầu tư một cách nhanh chóng và chạy đua về vũ trang đặc biệt là tàu ngầm tên lửa đạn đạo để hiện thực hóa các tham vọng bá quyền của mình trên Biển Đông. Do vậy, Trung Quốc không ngừng tăng cường trong việc đầu tư vào quân sự, trong dự án phát triển tiềm lực quân sự vào năm 2020, Trung Quốc đã tăng cường hải quân với hai dự án: Dự án tàu sân bay (dự án 48), đóng mới và đưa vào trang bị hai tàu sân bay có lượng giãn nước khoảng 60.000 – 65.000 tấn. Đồng thời, thực hiện một loạt dự án kèm theo (tàu hộ tống loại lớn, máy bay tiêm kích trên hạm J-15, trung tâm và căn cứ huấn luyện...) với chi phí khoảng 10 tỷ USD. Dự án phát triển tàu ngầm nguyên tử trang bị tên lửa đạn đạo mới nhất 094, đồng thời có những mục tiêu xa đến năm 2025 là 5 chiếc loại 095 tiên tiến hơn. Với hai dự án này, Trung Quốc dự kiến chi khoảng 500 triệu USD/năm cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và không bao gồm chi phí xây dựng căn cứ tàu ngầm và những vấn đề liên quan đến huấn luyện quân đội khác (Nguyễn, 2019). Năm 2022, Trung Quốc thông báo sẽ tăng ngân sách quốc phòng 7,1%, tương đương 230 tỷ USD, cao thứ hai trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ (Lê, 2022).

Đối mặt với tình hình ngày càng gia tăng căng thẳng trên Biển Đông, Trung Quốc có những thách thức nhất định có thể ảnh hưởng đến lợi ích của chính quốc gia mình. Do vậy, Trung Quốc sẽ không thẳng thừng triển khai một cuộc xung đột quân sự bởi nó sẽ là một “áp lực vô hình” đối với chính quyền Bắc Kinh khi giải quyết cùng lúc các yếu tố luật pháp quốc tế hay an sinh xã hội. Đặc biệt, Trung Quốc còn có vấn đề quan trọng hơn cần giải quyết là vấn đề Đài Loan - một đồng minh của Mỹ đang ở giáp ranh giới của Trung Quốc. Bởi lẽ đó, Trung Quốc không mong muốn một cuộc

xung đột quân sự có thể đặt quốc gia mình trong tình thế nan giải, tuy nhiên, Trung Quốc sẽ không dừng lại các hoạt động bành trướng ở Biển Đông nhằm tạo nên sự răn đe đối với các quốc gia khu vực Biển Đông. Do đó, nước này ngoài tiến hành đặt các căn cứ quân sự tại Biển Đông còn không ngừng có những hành động gây hấn với các vùng biển có chủ quyền trong khu vực bằng việc tổ chức nhiều cuộc tập trận quân sự gần biên giới của một số nước trong khu vực. Gần đây nhất là cuộc tập trận diễn ra ở Biển Đông từ ngày 4 đến 15-3-2022 trong vùng nước nằm giữa tỉnh Hải Nam của Trung Quốc và Việt Nam (Lan Hương, 2022).

Nhìn chung, Biển Đông đóng vai trò quan trọng đối với Trung Quốc trong thực hiện các chiến lược quân sự với tham vọng bành trướng thành một “cường quốc biển”. Đồng thời, Biển Đông có những hạn đối với Trung Quốc trong việc hiện thực hóa các tham vọng đến từ đồng minh của Hoa Kỳ trong khu vực.

1.2.3. Tầm nhìn bá quyền toàn cầu

Với tầm nhìn đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc phần thịnh, đặc biệt là mục tiêu trở thành cường quốc về phương diện hàng hải, từ thập kỷ 70 của những năm 90 đến hiện tại, Trung Quốc đã có những động thái, và những chính sách tham vọng đồ với ý đồ răn đe các nước ven biển như triển khai, tăng cường các lực lượng hải quân trên biển bao gồm Cảnh sát biển, Cơ quan An toàn hàng hải, Tổng cục Hải quan, Cơ quan Hải dương. Hơn thế nữa, Trung Quốc còn đưa ra chính sách tăng cường chiến lược mới nhằm hiện đại hóa và tăng cường sức mạnh hải quân (Lê, 2012). Đặc biệt, tại các vùng trọng điểm của Biển Đông, Trung Quốc đã có động thái tuyên bố và đưa ra những yêu sách thành lập huyện Đảo Tam Sa, Đường Chín Đoạn phi pháp, gây hấn với các nước xung quanh như Việt Nam và Philippines,.. Từ đây có thể thấy rằng, việc triển khai các lực lượng quân sự và tuyên bố về yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông là nhằm để kiểm soát và kiềm chế các hoạt động của các nước láng giềng cũng như là tạo sức mạnh để có sự đối trọng với sức mạnh của Hoa Kỳ tại Biển Đông.

Bên cạnh những động thái triển khai quân sự, về khía cạnh ngoại giao và hợp tác kinh tế, Trung Quốc đã đề cao việc hợp tác ngoại giao đối với các nước Đông Nam Á thông qua các chính sách ngoại giao mang tính thuyết phục - quyền lực mềm, nhấn mạnh sự hợp tác cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng của các nước đang phát triển trong khu vực. Cụ thể, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình có chuyến thăm Indonesia và Malaysia từ ngày 2 đến ngày 7 tháng 10 năm 2013. Trong chuyến đi này, tại

Indonesia, hai bên đã ký 6 văn kiện hợp tác kinh tế, trị giá gần 24 tỷ USD, tại Malaysia, hai bên cũng đã ký văn bản nâng quan hệ hai nước lên thành “đồng tác chiến lược toàn diện” và Hiệp định hợp tác kinh tế thương mại, nâng kim ngạch thương mại giữa hai nước lên 160 tỷ USD vào năm 2017 (Đình Hiệp, 2013).

Về cơ sở hạ tầng, năm 2013, Trung Quốc hoàn thành dự án đường ống dẫn dầu và khí đốt được nối từ Kyaukphyu - Myanmar tới Côn Minh - Trung Quốc, dự án này góp phần làm giảm sự phụ thuộc của Trung Quốc vào hệ thống cung cấp năng lượng dầu mỏ qua eo biển Malacca (Nguyễn, 2017). Việc đẩy mạnh đầu tư và thúc đẩy hợp tác thương mại, cũng như tăng cường các công tác ngoại giao của Trung Quốc đối với các nước ASEAN đã góp phần tạo nên ảnh hưởng về quyền lực đối của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á. Từ đó, Bắc Kinh có thể dễ dàng kiểm soát cửa ngõ quan trọng trong lưu thông hàng hải trên biển. Chính vì vậy, có thể khẳng định rằng, vai trò của Biển Đông tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương là vô cùng quan trọng đối với Trung Quốc để hình thành nên tầm nhìn trong các kế hoạch của nước này cũng như hoạch định các chính sách và chiến lược để thúc đẩy phát triển vị thế quyền lực của quốc gia.

1.3. Chiến lược của Trung Quốc ở Biển Đông - Sáng kiến Vành đai và Con đường

1.3.1. Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI

Chiến lược của Trung Quốc tại Biển Đông được thể hiện thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường mà nước này đang theo đuổi. Ban đầu sáng kiến này có tên là “Một vành đai, một con đường” (One Belt, One Road - OBOR) được công bố lần đầu vào năm 2013. Sau đó, được đổi tên thành sáng kiến “Vành đai và Con đường”. Được bao gồm ba sáng kiến liên kết với nhau: “Vành đai kinh tế Con đường tơ lụa” (SREB - Silk Road Economic Belt), “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI” (MSR - Maritime Silk Road) và “Con đường tơ lụa kỹ thuật số” (Digital Silk Road - DSR). Trong đó, đáng chú ý là sáng kiến xoay quanh MSR nhằm xây dựng hành lang kinh tế qua Ấn Độ Dương, kết nối Trung Quốc với Nam Á, Trung Đông, châu Phi và Địa Trung Hải (Phạm, 2021).

Hình ảnh 2: Các con đường của Sáng kiến Vành đai và Con đường (Tiasang, 2019)



Con đường Tơ lụa trên biển thế kỷ XXI sẽ nối liền hệ thống cảng biển của Trung Quốc và Đông Nam Á, qua Ấn Độ Dương và có thể vươn sang Địa Trung Hải. Việc xây dựng Con đường này nhằm mục đích kết nối về kinh tế và hàng hải. Con đường này sẽ góp phần vào sự phục hưng hàng hải của Trung Quốc và phục vụ các lợi ích cốt lõi của nước này. Trong đó bao gồm mở rộng nền kinh tế xanh dựa trên hàng hải với trị giá 1,2 nghìn tỷ USD, cải thiện an ninh lương thực và năng lượng, đảm bảo các tuyến đường liên lạc trên biển. Sáng kiến này sẽ mở rộng không gian chiến lược hàng hải của Trung Quốc ra xa hơn ở các vùng biển lân cận (Richard, Fei, Lora, 2017).

MSR sẽ bắt đầu ở Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến thuộc phía đông nam Trung Quốc và các khu vực phía nam Trung Quốc với các quốc gia thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), qua eo biển Malacca và hướng tới các quốc gia phía tây dọc theo Ấn Độ Dương trước khi gặp Con đường Tơ lụa ở Venice qua Biển Đỏ và Địa Trung Hải. Theo phạm vi của MSR, Trung Quốc có kế hoạch xây dựng các cơ sở hạ tầng từ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đến Châu Phi, bao gồm: vận tải, năng lượng, quản lý nước, thông tin liên lạc, cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội (Trần, 2015).

1.3.2. Mục đích của Con đường Tơ lụa trên biển thế kỷ XXI

Con đường Tơ lụa trên biển thế kỷ XXI với mục tiêu tập trung vào phát triển và hiện đại hóa các cảng và cơ sở hạ tầng hàng hải ở các quốc gia có quan hệ hợp tác thương mại với Trung Quốc. Bắc Kinh đầu tư vào các nước này thông qua các khoản vay có sự ràng buộc, phổ biến là 2 điều kiện (Lê, 2021):

Một là, xu hướng để cho Trung Quốc kiểm soát các cảng và tài nguyên thiên nhiên có liên quan trong một số trường hợp được giới hạn khi quốc gia đi vay không thể trả nợ đúng hạn.

Hai là, phần lớn công việc xây dựng phải được thực hiện bởi người lao động Trung Quốc, điều này tạo việc làm và khiến cho công dân Trung Quốc hiện diện hầu như khắp mọi nơi.

MSR cũng nhằm mục đích tạo ra các cơ hội kinh doanh mới cho các công ty Trung Quốc ngoài xuất - nhập khẩu. Cụ thể, các công ty đa quốc gia của Trung Quốc sẽ xây dựng và vận hành một số dự án cơ sở hạ tầng MSR ở ASEAN gồm các tuyến đường sắt cao tốc và trung bình ở Lào, Indonesia và Thái Lan, các cảng ở Campuchia, Indonesia, Malaysia và các khu công nghiệp. Ngoài ra, sự hỗ trợ tài chính của Trung

Quốc cho các dự án thường bao gồm yêu cầu người nhận viện trợ hoặc vay phải đồng ý các thỏa thuận mà Trung Quốc đưa ra.

Mặt khác, mục tiêu kinh tế của MSR đồng thời là của SREB là giúp giảm lượng dự trữ ngoại tệ khổng lồ của Trung Quốc và thúc đẩy quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ (RMB) của nước này. Do đó, Sáng kiến này kéo theo một số dự án như mở rộng các thỏa thuận hoán đổi, sử dụng RMB trong các giao dịch và thành lập các trung tâm thanh toán tại các thành phố Đông Nam Á như Singapore (F. Blanchard, 2017).

Qua đó cho thấy, MSR có những tác động đáng kể đến sự phát triển kinh tế của các quốc gia khu vực ASEAN. Tuy nhiên, do Đông Nam Á được xem một trong những điểm quan trọng của con đường này, đặc biệt là các quốc gia ven biển như Indonesia, Malaysia và Philippines (F. Blanchard, 2017), nên đã khơi lại một số mối quan hệ căng thẳng có từ trước giữa Trung Quốc và các quốc gia trong khu vực. Đó là các cuộc tranh chấp về lãnh thổ và hàng hải ở Biển Đông đang ngày càng căng thẳng (Richard, Fei, Lora, 2017), và những cuộc tranh chấp này sẽ tạo ra nhiều ảnh hưởng trong mối quan hệ hợp tác phát triển của Trung Quốc và các quốc gia có liên quan.

1.4. Tiểu kết chương 1

Là cầu nối quan trọng giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, địa chính trị của Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, an ninh hay thương mại của nhiều quốc gia. Đặc biệt là với Trung Quốc, khu vực này chứa đầy đủ những lợi ích mà nước này mong muốn để thực hiện các tham vọng bành trướng quyền lực và lãnh thổ của mình. Từ đây, Biển Đông sẽ trở thành “bàn đạp” giúp Bắc Kinh có thể vươn mình lên vị trí “bá quyền” của khu vực và thế giới. Hơn thế nữa, Trung Quốc với những tham vọng không ngừng của mình sẽ ngày càng gia tăng các động thái trên Biển Đông một cách mãnh liệt hơn để giành quyền kiểm soát vùng biển này.

Nhìn chung, đối với những lợi ích về kinh tế, Trung Quốc sẽ tiếp tục mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước trong khu vực Biển Đông, đặc biệt là ASEAN. Đối với lợi ích về an ninh, Trung Quốc tiếp tục thực hiện và củng cố chiến lược A2/AD đồng thời tiếp tục các cuộc diễn tập với mục đích “răn đe” trên biển. Đối với lợi ích về thương mại, Bắc Kinh sẽ chú trọng sự thuận lợi trong giao thương hàng hải ở eo biển Malacca, do đây được xem là “điểm chốt” trong vận chuyển hàng hóa xuất và nhập khẩu của Trung Quốc. Bên cạnh đó, với Sáng kiến Vành đai và Con đường, Bắc Kinh

xem đây như một công cụ có thể thúc đẩy và hiện thực hóa các tham vọng của mình. Con đường Tơ lụa trên biển thế kỷ XXI thuộc sáng kiến này sẽ cho phép Trung Quốc thực hiện ngoại giao với ASEAN và các quốc gia khác một cách có tổ chức hơn thông qua đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và các khoản vay được ràng buộc, đồng thời sẽ tạo cơ hội kinh doanh cho các công ty Trung Quốc và thúc đẩy quá trình quốc tế hóa đồng tiền Nhân dân tệ.

Qua đó có thể thấy, lợi ích của Trung Quốc tại khu vực Biển Đông không nhỏ và ngày một gia tăng về các khía cạnh kinh tế cũng như an ninh. Đây sẽ là “con cò” phòng thủ và phát triển quốc gia quan trọng của Bắc Kinh trên mặt nước.

CHƯƠNG 2: NHU CẦU, TẦM NHÌN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA HOA KỲ TRÊN BIỂN ĐÔNG

2.1. Lợi ích của Hoa Kỳ ở Biển Đông

2.1.1. Nhu cầu về chính trị

Trong những năm gần đây, các tranh chấp ở Biển Đông trở thành một trong những vấn đề căng thẳng đối với dư luận châu Á và thế giới. Đặc biệt đối với Hoa Kỳ, là một trong các quốc gia có lợi ích chiến lược tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nước này đóng vai trò bá chủ và chịu trách nhiệm thiết lập một trật tự tương đối ở khu vực này.

Với Hoa Kỳ, Biển Đông là một mắt xích quan trọng trong “xoay trục” từ châu Âu sang châu Á. Vùng biển này có địa chính trị vô cùng quan trọng, đóng vai trò như một hành lang nối liền giữa Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương. Thế nhưng, sự dịch chuyển cán cân quyền lực thế giới của Mỹ sang châu Á đang bị Trung Quốc đe dọa bởi mong muốn độc chiếm Biển Đông của Bắc Kinh. Nếu trong trường hợp Trung Quốc thành công trong việc chiếm quyền kiểm soát Biển Đông thì sự ảnh hưởng của Trung Quốc đối với các nước ASEAN gia tăng, chính điều này đe dọa trực tiếp đến lợi ích của Washington cùng các đồng minh tại vùng biển này. Hơn thế nữa, với những tài nguyên màu mỡ ở Biển Đông sẽ là “bàn đạp” góp phần phát triển ổn định chính trị, kinh tế và quân sự cho Trung Quốc, điều sẽ trở thành nhân tố khiến vị thế siêu cường duy nhất của Mỹ bị đe dọa. (Hà, 2014).

Tháng 11/2017, Mỹ công bố chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” tại Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) nhằm tìm kiếm sự tái cân bằng của Mỹ ở châu Á và cũng như tạo nên đối trọng với sự trỗi dậy của Trung Quốc, đồng thời thắt chặt liên minh với các đồng minh trong khu vực và mở rộng quan hệ đối tác để củng cố lợi ích của Washington trên một khu vực rộng lớn trải dài từ bờ biển phía tây của Ấn Độ đến bờ biển phía tây của Mỹ (Duy Hoàng, 2020).

Mỹ muốn duy trì các luật chơi trên biển đã được thiết lập, nhất là tạo ra một khu vực tự do và rộng mở để không làm lung lay vị thế bá quyền của mình. Chính quyền Washington mong muốn giải quyết các vấn đề trên Biển Đông một cách công khai và minh bạch, ngoài ra phải áp dụng một cách công bằng các quy tắc đã được đề ra. Các

vấn đề liên quan đến hàng hải, xã hội - văn hóa, sẽ tự do “di chuyển” qua đất liền, không gian mạng và vùng biển mở (Aquilino, 2022).

Trước những tranh chấp căng thẳng giữa các quốc gia có chủ quyền ở Biển Đông có thể là nguyên nhân gây ra một cuộc xung đột vũ trang. Chính điều này sẽ có tác động nghiêm trọng đối với an ninh khu vực và ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế khu vực thậm chí là ảnh hưởng đến Mỹ và lan ra toàn thế giới. Vì vậy, Hoa Kỳ cần duy trì Biển Đông một cách có trật tự dựa trên luật lệ và các chuẩn mực hành vi quốc tế nhằm giảm thiểu những thách thức trong khu vực và trên toàn cầu, đồng thời “ràng buộc” Trung Quốc vào các tiêu chuẩn luật pháp quốc tế để từ đó ngăn chặn sự bành trướng của Bắc Kinh ra ngoài thế giới (Thái Giang, 2012).

2.1.2. Nhu cầu về kinh tế

Bản thân Mỹ từ thời xa xưa đã là một cường quốc biển do đặc trưng về lãnh thổ được bao quanh bởi đại dương, do đó, nước này luôn quan tâm đến vai trò của biển và quyền lực mà biển cả có thể mang lại trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ an ninh quốc gia. Đối với Mỹ, kiểm soát đại dương là vô cùng cần thiết và là một trong các công cụ để kiểm soát trật tự thế giới. Chính vì vậy, Washington chú trọng vào các chiến lược kiểm soát đại dương, xây dựng lực lượng hải quân đồng thời sử dụng điều đó như một cách để mở rộng ảnh hưởng và quyền lực của mình trên thế giới. Trước đây, Mỹ tập trung vào chiến lược châu Âu - Đại Tây Dương, tuy nhiên, qua thời gian khu vực này không còn mang lại những lợi ích mà Mỹ mong muốn, đó là lý do Hoa Kỳ dần tiến hành chiến lược xoay trục sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Do vậy, việc Mỹ xuất hiện ở Biển Đông như là một lẽ đương nhiên bởi nước này đang có những lo ngại về quyền tự do đi lại trên biển và nhu cầu bảo vệ những lợi ích của mình (Hà, 2014).

Trước hết, khu vực Biển Đông có rất nhiều đối tác kinh tế chiến lược quan trọng của Mỹ về mặt thương mại như Nhật Bản, Trung Quốc hay ASEAN. Chỉ riêng về lợi ích kinh tế của Hoa Kỳ ở khu vực Đông Nam Á thì đây là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Hoa Kỳ. Năm 2001, kim ngạch thương mại hai chiều Hoa Kỳ - ASEAN đạt 107 tỷ USD. Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Hoa Kỳ - ASEAN đã tăng lên gấp 3 lần trong khoảng 15 năm (1990 – 2014), đạt 254 tỷ năm 2014 (Ngô, 2018). Do vậy, lợi ích kinh tế của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Biển Đông nói riêng đang ngày một lớn dần.

Hơn thế nữa, Biển Đông đang là khu vực thu hút lượng lớn đầu tư từ các công ty Mỹ. Vốn đầu tư nước ngoài - FDI của Hoa Kỳ vào Đông Nam Á gấp nhiều lần so với Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ cộng lại. Tính đến 2014, FDI của Hoa Kỳ vào ASEAN đạt 226 tỷ USD, thuộc nhóm các nhà đầu tư lớn nhất ASEAN (An Nhiên, 2016). Năm 2018, Mỹ đầu tư 1 nghìn tỷ USD FDI vào khu vực, trong đó, FDI của Mỹ vào Việt Nam là khoảng 1,5 tỷ USD, Philippines là 6 tỷ USD, Thái Lan 15 tỷ USD và Singapore hơn 260 tỷ USD (Phạm & Vũ, 2020). Không chỉ vậy, châu Á - Thái Bình Dương hiện chiếm gần một nửa kim ngạch thương mại toàn cầu và chiếm tới 60% tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ. Thương mại hai chiều giữa Mỹ và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là một con số khổng lồ với hơn 1,8 nghìn tỷ USD mỗi năm và đóng góp hơn 3,3 triệu việc làm tại Mỹ (Phạm & Vũ, 2020). Trong nhiều thập kỷ qua châu Á đang chuyển mình trở thành một khu vực phát triển nhanh chóng nhất của thế giới với sự xuất hiện của các cường quốc đang lên như Trung Quốc và Ấn Độ. Điều này sẽ thách thức vị thế siêu cường mà nước Mỹ đã nắm giữ trong nhiều thập kỷ.

Thêm vào đó, hàng hóa xuất khẩu của Mỹ sang khu vực Đông Á và từ Đông Á tới Mỹ hầu hết được vận chuyển qua các tuyến đường biển quốc tế trên Biển Đông. Chính vì những lợi ích lớn về thương mại và kinh tế ở Đông Á và bảo đảm đi lại tự do cho tàu bè của Mỹ trên các tuyến đường Biển Đông, do đó, Hoa Kỳ buộc phải có những động thái trong khu vực này để bảo vệ lợi ích kinh tế của mình.

Mặt khác, nguồn tài nguyên của Biển Đông hay của các quốc gia thuộc vùng biển này là vô cùng giàu có và là nhu cầu tiếp cận của nhiều nước trên thế giới. Vì vậy, nếu Mỹ thành công trong việc hoạt động ổn định ở khu vực này sẽ thiết lập được nhiều mối quan hệ cạnh tranh về kinh tế. Hơn thế nữa, nhu cầu về năng lượng của các nước trong nền kinh tế đang phát triển hiện nay bao gồm cả Hoa Kỳ đang ngày càng gia tăng. Chính vì thế, Mỹ muốn chiếm ưu thế trên con đường vận chuyển năng lượng này để đảm bảo về nguồn lợi năng lượng của quốc gia do số lượng dầu mỏ được luân chuyển qua Biển Đông là rất lớn.

2.1.3. Nhu cầu về an ninh

Biển Đông có ý nghĩa quan trọng đối với lợi ích an ninh của Mỹ. Đầu tiên phải kể đến vị trí chiến lược quan trọng đóng vai trò kết nối giữa hai đại dương; các tuyến đường thương mại; các vùng kinh tế và địa chính trị trọng yếu trong chiến lược xoay trục của Washington. Do đó, việc Hoa Kỳ với tư cách là bá quyền của khu vực và thế

giới cũng như là một quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, bảo đảm an ninh trong khu vực, tự do lưu thông hàng hải sẽ giúp duy trì chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như vận hành và thực thi các mục tiêu quân sự của Mỹ ở khu vực Biển Đông là điều cần thiết. Điều đó có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì và phát triển các lợi ích của Hoa Kỳ ở khu vực. Để đảm bảo các lợi ích của mình ở khu vực không bị đe dọa, tháng 4/2004 Hoa Kỳ đã đưa ra kế hoạch “Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực - RMSI”. Với chính sách này, Hoa Kỳ đã đưa hải quân và lực lượng đặc nhiệm đến khu vực eo biển Malacca nhằm thực hiện các hoạt động phòng chống khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt, buôn lậu ma túy, cướp biển...(Nguyễn, 2014). Qua đó cho thấy việc bảo đảm an ninh, tự do rộng mở ở khu vực Biển Đông có ý nghĩa to lớn trong việc duy trì vai trò lãnh đạo cũng như vị thế quân sự của Mỹ ở khu vực.

Từ sau thế chiến thứ II sức mạnh của Mỹ ở khu vực được cộng hưởng từ các đồng minh. Do đó, việc đảm bảo an ninh cho các đồng minh là mục tiêu cần thiết nhằm gia tăng sự hiện diện cũng như khả năng răn đe trong khu vực, đồng thời các căn cứ quân sự ở các nước đồng minh của Mỹ trong khu vực như Nhật Bản, Philippines hay Singapore có thể giúp lực lượng quân sự của Hoa Kỳ trong việc lưu trữ, sửa chữa cũng như tăng cường khả năng ứng biến trong trường hợp xung đột nổ ra.

Trong nhiều năm qua, nạn khủng bố và buôn người là một trong những điểm nóng của khu vực được dư luận quan tâm. Theo một báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund – IMF), mỗi năm các băng nhóm tội phạm đả 25 triệu người dân ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương vào tình thế lao động cưỡng bức vào các tệ nạn như mại dâm, khiêu dâm và cả tội phạm mạng (Tom Abke, 2021). Bên cạnh đó, Theo Thỏa thuận Hợp tác Khu vực về Chống Cướp biển và Cướp có Vũ trang nhằm vào các Tàu ở châu Á trong Trung tâm Chia sẻ Thông tin châu Á (Regional Cooperation Agreement on Combating Piracy and Armed Robbery against Ships in Asia Information Sharing Centre -ReCAAP ISC), trong năm 2020 có 97 vụ cướp biển hoặc cướp có sử dụng vũ trang nhằm vào các tàu ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (trong đó có hai vụ bất thành). Ngoài ra, vấn đề mua bán ma túy, các sản phẩm thuộc động vật hoang dã, nạn bắt cóc đòi tiền chuộc của những kẻ khủng bố luôn đe dọa ở Biển Đông, mặc dù có xu hướng giảm so với trước đó (Indo-Pacific Defense Forum, 2021) tuy nhiên, vấn nạn này vẫn là một thách thức và là vấn đề cấp thiết cần được giải quyết. Do vậy, trước những vấn nạn đó, Mỹ đã có những động thái

quân sự ở khu vực Biển Đông nhằm chống lại khủng bố và nạn buôn người, điển hình như vào ngày 23/11/2020, Mỹ trao gói tài trợ thiết bị quân sự trị giá 18 triệu USD cho Philippines, giúp quân đội nước này bảo vệ cuộc sống của người dân ở Mindanao trước những đau khổ do tổ chức Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS ở Đông Á gây ra (Hương Trà, 2020). Bên cạnh đó, Hoa Kỳ cũng tăng cường hợp tác với các nước Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan trong việc phòng chống khủng bố cũng như trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống ở khu vực (Trung Hiếu, 2021). Qua các động thái trên, có thể thấy Mỹ đã gia tăng sự ảnh hưởng và can thiệp vào các vấn đề ở khu vực, nhờ đó hình thành tính chính danh cho các hoạt động quân sự của Mỹ và mở đường cho các mục tiêu chiến lược quân sự lâu dài ở Biển Đông cũng như ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc ở khu vực.

2.2. Tầm nhìn của Hoa Kỳ ở Biển Đông

2.2.1. Tầm nhìn chính trị

Tuyên bố của Ngoại trưởng Hoa Kỳ Michael R. Pompeo: “Hoa Kỳ và tất cả các quốc gia tuân thủ luật pháp có chung mối quan tâm sâu sắc về việc giữ gìn một Biển Đông tự do và rộng mở. Tất cả quốc gia, bất kể sức mạnh quân sự và kinh tế, đều xứng đáng hưởng các quyền và sự tự do mà luật pháp quốc tế đảm bảo cho họ, mà không lo sợ bị cưỡng ép, như đã nêu trong Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982.” (Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, 2021) đã cho thấy quan điểm của Hoa Kỳ trong các vấn đề ở Biển Đông là tuân thủ các luật pháp quốc tế để đáp trả lại những hành động mà Trung Quốc tiến hành trên vùng biển này. Cũng trong năm 2021, Hoa Kỳ khẳng định rằng, họ sẽ đồng hành cùng với ASEAN trong công cuộc bảo vệ chủ quyền và các lợi ích trên biển dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển (UNCLOS). Hoa Kỳ cũng cho biết thêm rằng họ sẽ tiếp tục hành động cho đến khi Bắc Kinh ngừng thực hiện những hành vi cưỡng ép tại Biển Đông (Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, 2021).

Với vai trò bá quyền hiện tại của Hoa Kỳ, sự bành trướng của Trung Quốc đã tác động trực tiếp đến an ninh quốc gia của các nước đồng minh và nguy cơ làm lung lay vị thế mà Washington đã thiết lập trong nhiều thập kỷ qua. Chính vì thế, việc thực hiện chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở (Free and Open Indo-Pacific - FOIP) là giải pháp để Mỹ có thể kiềm chế và ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực trong hiện tại, tương lai ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng

thời giúp Hoa Kỳ có thể giành quyền chủ đạo trong việc thúc đẩy các hoạt động ngoại giao tại khu vực ASEAN. Hơn thế nữa nữa, chiến lược này còn có thể đảm bảo được an ninh giao thông đường biển khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và tiếp tục duy trì các lợi ích kinh tế, chính trị, sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ (Hà, 2014).

Hoa Kỳ mong muốn có thể duy trì các luật chơi trên biển đã được thiết lập từ trước, nhất là tự do về hàng hải. Để không làm lung lay vị thế bá quyền của mình, Mỹ cần khu vực này được tự do và rộng mở không chỉ để đảm bảo được những lợi ích và an ninh hàng hải của mình mà còn giảm thiểu những thách thức, xung đột trong khu vực này nhất là khi đang có nhiều quốc gia tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông. “Các vấn đề sẽ được giải quyết một cách công khai, các quy tắc sẽ được đưa ra một cách minh bạch và áp dụng một cách công bằng, hàng hóa và ý tưởng và con người sẽ tự do di chuyển qua đất liền, không gian mạng và vùng biển mở” (Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, 2021).

Nguồn tài nguyên thiên nhiên dầu mỏ ở Biển Đông như là cơ hội để phát triển với nhiều quốc gia trong đó bao gồm các đồng minh của Hoa Kỳ ở khu vực. Nếu Trung Quốc thành công trong việc chiếm giữ các mỏ dầu này sẽ gây ảnh hưởng lên các đồng minh của Washington. Từ đó, đòi hỏi chính quyền Hoa Kỳ phải có các động thái nhằm ngăn chặn tham vọng của Trung Quốc để bảo vệ lợi ích của đồng minh cũng như của chính Hoa Kỳ.

2.2.2. Tầm nhìn kinh tế

Với mong muốn thúc đẩy thương mại tự do, công bằng trên các tuyến đường vận chuyển thuộc Biển Đông, Mỹ đã tiến hành áp dụng các chính sách dựa trên luật biển quốc tế để bảo vệ chủ quyền trên biển của các quốc gia tại khu vực này. Đối với chủ quyền của các quốc gia trong khu vực, qua sự việc Trung Quốc tuyên bố chủ quyền thông qua bản đồ “Đường lưỡi bò”, Hoa Kỳ thể hiện sự không đồng tình đối với hành động này và yêu cầu Bắc Kinh phải đưa ra các tuyên bố phù hợp với các quy định của Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển - UNCLOS về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được xác lập dựa trên bờ biển và các cấu trúc địa lý theo đúng định nghĩa về “đảo” trong điều 121 công ước này (Nhật Quỳnh, 2014). Mỹ cũng kêu gọi Trung Quốc phải điều chỉnh các yêu sách hàng hải của mình sao cho phù hợp với luật pháp quốc tế như đã được phản ánh trong UNCLOS và tuân

thủ phán quyết về Biển Đông vào năm 2016 của Tòa Trọng Tài quốc tế - PCA, đồng thời chấm dứt các hoạt động cưỡng chế, trái pháp luật trên Biển Đông (Phạm, 2022).

Đối với mối nguy hiểm từ những thách thức mà Trung Quốc tạo ra thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường, Mỹ đã tiến hành Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương - IPEF như là một chính sách đối trọng với Trung Quốc và là công cụ để Mỹ xuất hiện tại khu vực này với vai trò hỗ trợ phát triển kinh tế. Đối với Mỹ, xây dựng một nền kinh tế lâu dài và đáng tin cậy ở châu Á - Thái Bình Dương là vô cùng quan trọng để thúc đẩy các lợi ích về thương mại của nước này. Ngày 27/10/2021, Tổng thống Mỹ - Joe Biden cho biết mục tiêu của IPEF sẽ xoay quanh việc tạo ra thuận lợi thương mại và các tiêu chuẩn cho nền kinh tế kỹ thuật số, công nghệ, cơ sở hạ tầng tại khu vực này (Matthew, William, 2022).

Về kinh tế số, chính quyền Washington đưa nó trở thành trung tâm của IPEF bởi những tiện ích và sự phụ thuộc của nhiều người dùng trong thời đại hiện nay bao gồm cả các chính phủ, doanh nghiệp lớn và nhỏ. Đặc biệt, giữa tình hình thế giới đối mặt với dịch bệnh Covid - 19, nền kinh tế kỹ thuật số đã thể hiện mạnh mẽ vai trò của mình trong việc kết nối công dân trên toàn cầu, thực hiện các thao tác thanh toán quốc tế và các hoạt động học tập, làm việc khác. Hơn hết, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là một khu vực tiềm năng cho Mỹ để phát triển về kinh tế số do số lượng người dùng Internet dự kiến sẽ tăng lên 3,1 tỷ vào năm 2023. Vì vậy, Mỹ đã tiến hành xây dựng các thỏa thuận giữa 12 thành viên của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - CPTPP trong đó có Việt Nam và Nhật Bản, đồng thời ký những cam kết về lĩnh vực kỹ thuật số (Matthew, William, 2022).

Về cơ sở hạ tầng, dựa vào báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á từ năm 2016 - 2030, nhu cầu về cơ sở hạ tầng của khu vực này sẽ lên đến 25 nghìn tỷ USD. Từ đó, một sáng kiến được xem là “đối trọng” với BRI - B3W (Xây dựng lại thế giới tốt đẹp hơn - Build Back Better World) được thành lập. Đây là một sáng kiến của Mỹ, được đồng thuận bởi các quốc gia G7, và được xem là “vốn” đầu tư then chốt của nước này nhằm tác động đến các quốc gia là đối tác ngoại giao với Trung Quốc (Thái Hân, 2021). Chính vì vậy, để Hoa Kỳ có thể vận hành B3W ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nước này đã tạo ra một quỹ bao gồm tài chính công và tư nhân, để các quốc gia đối tác ký cam kết về điều kiện cơ sở hạ tầng và giảm thiểu các rủi ro cho những nhà đầu tư tư nhân (Matthew, William, 2022).

2.2.3. Tầm nhìn an ninh

Với sự bành trướng của Trung Quốc trên Biển Đông đã mang lại những thách thức đối với Mỹ trong việc thiết lập một trật tự khu vực có lợi cho mình ở hiện tại và trong tương lai, bởi an ninh của các đồng minh tại Biển Đông như Nhật Bản và Hàn Quốc đang bị đe dọa. Vì vậy, để duy trì vị thế của mình ở tây Thái Bình Dương, Mỹ có nghĩa vụ bảo vệ hệ thống liên minh khu vực và trấn an các cường quốc đang lo ngại về các động thái cũng như tham vọng của Trung Quốc.

Chính phủ Mỹ đã dành vài năm gần đây để xây dựng tầm nhìn cho khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, được Tổng thống Donald Trump công bố lần đầu tiên vào tháng 11/2017 tại hội nghị cấp cao Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Tầm nhìn này đã nhận thức đúng vai trò của Đông Nam Á thông qua chương trình nghị sự FOIP - một chiến lược được xem là nỗ lực để bảo vệ tự do và rộng mở của Hoa Kỳ và các đồng minh. Việc ASEAN là một yếu tố góp mặt trong FOIP có thể cho thấy tầm quan trọng chiến lược của khu vực này đối với Hoa Kỳ. Với tư cách là cường quốc khu vực có ảnh hưởng mạnh mẽ đến châu Á, Hoa Kỳ sẽ tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong hợp tác để bảo vệ tự do hàng hải và thúc đẩy thịnh vượng khu vực (Anu Anwar, 2019).

Hoa Kỳ tin rằng việc nâng cao vị thế chiến lược của mình ở Đông Nam Á có thể kiềm chế và thay thế ảnh hưởng quân sự của Trung Quốc tại khu vực ASEAN. Trong nhiều năm qua các nước ASEAN đang phụ thuộc phần lớn vào nguồn cung cấp thiết bị quân sự của Trung Quốc. Chính sự phụ thuộc này đã ảnh hưởng khá lớn vào an ninh của các nước trong khu vực. Nhận thấy vấn đề đó, với vai trò là siêu cường quân sự hàng đầu thế giới, Mỹ đã nắm bắt cơ hội tăng cường sự ảnh hưởng của mình bằng cách cạnh tranh với Trung Quốc trong việc trở thành đối tác cung cấp thiết bị quân sự lớn nhất cho các nước trong khu vực Đông Nam Á (Nguyễn, 2014). Ngoài ra, Hoa Kỳ tập trung vào việc tăng cường hợp tác quân sự và an ninh với các nước trong khu vực như Philippines, Thái Lan, Việt Nam và Singapore... Qua đó, tạo ra một mạng lưới an ninh và quân sự đa phương trong khu vực do Hoa Kỳ dẫn đầu.

Bên cạnh đó, buôn người là một cuộc khủng hoảng ảnh hưởng đến gần như mọi quốc gia, kể cả Hoa Kỳ. Trong hai thập kỷ qua, Hoa Kỳ đã và đang nỗ lực trong cuộc chiến chống buôn người được thể hiện qua Đạo luật bảo vệ nạn nhân buôn người (TVPA) mà nước này thông qua vào năm 2000 và tái ủy quyền năm 2019, đồng thời

nước này cũng thành lập Lực lượng đặc nhiệm liên ngành về buôn người để tối đa hóa hiệu quả và tác động của các chương trình chống lại vấn nạn phi truyền thống này (U.S Global Leadership Coalition, 2021).

2.3. Chiến lược của Hoa Kỳ ở Biển Đông

2.3.1. Chiến lược chính trị

Trong bối cảnh Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược của Mỹ, đặc biệt là Sáng kiến Vành đai và Con đường – BRI của Trung Quốc như là sự thách thức vai trò chủ đạo của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, FOIP là chiến lược cần thiết để Mỹ tiếp tục khẳng định vai trò bá quyền của mình trên thế giới và khu vực. Mục tiêu cốt lõi của chiến lược FOIP của Mỹ là nhằm xây dựng một trục liên minh “Bộ tứ” gồm Mỹ, Nhật Bản, Úc và Ấn Độ để kiềm chế và ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực, đồng thời giành vai trò lãnh đạo và kiểm soát toàn bộ khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Từ đó, Washington sẽ có khả năng để tiếp tục duy trì lợi ích kinh tế, quyền lực chính trị, sức mạnh quân sự và ngoại giao của mình (Duy Hoàng, 2020).

Mỹ luôn tìm cách xây dựng hệ thống an ninh ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và liên minh Bộ Tứ là động lực chủ yếu để thúc đẩy sự phát triển ổn định của nước này. Trong đó, Mỹ coi liên minh Mỹ - Nhật Bản là nền tảng của FOIP, ủng hộ Nhật Bản phát huy vai trò lớn hơn trong an ninh khu vực để ngăn chặn bất cứ quốc gia châu Á - Thái Bình Dương nào trở thành bá quyền của khu vực, từ đó gián tiếp duy trì vị thế chủ chốt của mình ở khu vực này. Bên cạnh việc củng cố liên minh nói trên, Mỹ còn tích cực lôi kéo các đối tác quan trọng ở khu vực, thậm chí Mỹ xem Indonesia là "trụ cột hàng hải" của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và ủng hộ nước này đóng vai trò trung tâm trên lĩnh vực an ninh hàng hải ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (Phạm, 2020).

Đặc biệt, Hoa Kỳ tiếp tục duy trì những cuộc tập trận trên biển và các hành động đưa tàu tuần tra tại Biển Đông như là cách thức để ngăn cản và răn đe đối với các hành động của Bắc Kinh tại khu vực này. Ngoài ra, bằng việc giảm thiểu các thách thức về vấn đề tranh chấp chủ quyền khẳng định rõ hơn một trật tự thế giới đơn cực mà Mỹ đang duy trì. Không chỉ dừng lại ở đó, các cuộc tuần tra trên biển sẽ khiến Washington nâng cao hình ảnh của nước này với các quốc gia Đông Nam Á, từ đó

củng cố các quan hệ ngoại giao, hợp tác chiến lược với các nước trong khu vực thuận lợi hơn.

Mỹ đã tiếp tục đề cao vai trò của ASEAN - khu vực được coi là trung tâm trong chiến lược FOIP của Mỹ, nhất là khi vị thế chiến lược cũng như sức mạnh của ASEAN không ngừng tăng lên trong những năm gần đây. Đồng thời, Mỹ tăng cường can dự vào khu vực thông qua các cơ chế đa phương và song phương, từng bước cụ thể hóa các nội dung hợp tác với các nước Đông Nam Á dựa trên hai trụ cột chính là an ninh và kinh tế. Cùng với đó, sự hiện diện về an ninh và quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á cho thấy Mỹ tích cực lôi kéo Đông Nam Á, xem đây như một “chiến tuyến” để ngăn chặn sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc và duy trì ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực (Duy Hoàng, 2020). Cụ thể, Tổng thống Joe Biden tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á ngày 27/10/2021 cho biết: “Hoa Kỳ sẽ tăng cường quan hệ với các đối tác hàng đầu trong khu vực, bao gồm Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Việt Nam và các quốc đảo ở Thái Bình Dương. Đóng góp cho một ASEAN ngày càng có tiếng nói mạnh mẽ và thống nhất. Mở rộng sự hiện diện ngoại giao của Hoa Kỳ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đặc biệt là ở Đông Nam Á và các quốc đảo ở Thái Bình Dương” (Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, 2022).

Đối với Hoa Kỳ, nước này không thừa nhận cơ sở pháp lý của bất kỳ quốc gia nào có tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, kể cả Philippines vốn là một đồng minh truyền thống của Mỹ. Việc này đã dẫn đến hành động đệ đơn khởi kiện Trung Quốc về vấn đề Biển Đông lên Tòa Trọng Tài năm 2013 của Philippines. Từ đó, nhận thấy Mỹ sở dĩ không thừa nhận chủ quyền của bên nào dù có là đồng minh bởi nước này không muốn dính líu vào các cuộc chiến pháp lý vừa phức tạp vừa lâu dài và làm hao tổn nguồn lực của Mỹ. Hơn nữa, khi Mỹ khẳng định cơ sở pháp lý của một quốc gia nào ở Biển Đông thì ưu thế tại khu vực sẽ nghiêng về quốc gia đó, dẫn đến việc mất cân bằng quyền lực. Chính vì vậy, Hoa Kỳ muốn Biển Đông sẽ là khu vực “tự do và rộng mở” để đảm bảo việc đi lại tự do trên các con đường biển quốc tế, ngăn chặn giải quyết cuộc tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng vũ lực và tránh chạm trán trực tiếp với Trung Quốc (Hà, 2014).

2.3.2. Chiến lược kinh tế

Lợi ích của Mỹ tại khu vực Biển Đông đang ngày một lớn dần. Do đó, để đảm bảo sự cạnh tranh với các quốc gia có chung lợi ích tại khu vực này, đặc biệt là Trung Quốc, Mỹ đã tiến hành tăng cường các chính sách tự do hàng hóa, thương mại trong khu vực. Vào ngày 20/5/2021, Tổng thống Mỹ - Joe Biden qua lời phát biểu tại Học viện Cảnh sát biển ở Connecticut đã thể hiện rõ quan điểm của Mỹ là bảo vệ các tuyến đường biển rộng mở và an toàn tại Biển Đông, ông nói: “Điều đó là lợi ích trọng yếu đối với chính sách ngoại giao của Mỹ nhằm đảm bảo dòng chảy thương mại toàn cầu không bị cản trở” (Khánh An, 2021). Ngoài ra, Mỹ sẽ đầu tư thêm vào xây dựng các lực lượng hàng hải ở Đông Nam Á, Ấn Độ và Nhật Bản, đầu tư vào các tổ chức khu vực bao gồm ASEAN và nhóm Bộ Tứ gồm Mỹ, Úc, Nhật Bản và Ấn Độ (Xuân Mai, 2022). Qua đó có thể thấy sự hiện diện của Mỹ tại khu vực này sẽ ngày một rõ ràng và mạnh mẽ hơn bao giờ hết để giữ vững các tuyến đường hàng hải hoạt động một cách tự do và an toàn, không chịu sự kiểm soát của bên thứ ba.

Hơn thế nữa, Đông Nam Á đang là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao và có khả năng tạo ra những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng như nền kinh tế toàn cầu. Do vậy, Mỹ càng cần phải tăng cường hợp tác đối với các quốc gia khu vực để xây dựng các mối quan hệ hợp tác - cạnh tranh về thương mại. Năm 2005, ASEAN và Mỹ thiết lập quan hệ đối tác tăng cường và đến năm 2009, Hoa Kỳ tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á (TAC). Năm 2010, quan hệ thương mại ASEAN – Hoa Kỳ đã được thúc đẩy qua các Hội nghị cấp cao Hoa Kỳ - ASEAN và các cuộc họp hằng năm. Tháng 11/2015, tại Hội nghị Cấp cao lần thứ 3 tổ chức tại Malaysia, quan hệ song phương Hoa Kỳ - ASEAN được nâng lên tầm đối tác chiến lược, đồng thời thông qua Kế hoạch Hành động giai đoạn 2016 - 2020 (Ngô, 2018) mối quan hệ này càng thêm mật thiết. Gần đây, là Hội nghị Cấp cao đặc biệt kỷ niệm 45 năm quan hệ đối thoại ASEAN - Hoa Kỳ sẽ được diễn ra từ ngày 12 đến ngày 13/5/2022 tại Washington D.C (Hoàng Phạm, 2022).

Có thể nói, Mỹ rất chú trọng vào khu vực ASEAN nói riêng và Biển Đông nói chung vì những lợi ích của quốc gia này, điều này thể hiện rõ qua cam kết của Mỹ đối với ASEAN cụ thể là Kế hoạch Hành động ASEAN - Mỹ giai đoạn 2021 - 2025. Ngày 14/4/2022, theo thông cáo báo chí từ Ban thư ký ASEAN, cuộc họp lần thứ 13 của Ủy ban Hợp tác chung ASEAN - Mỹ đã tái khẳng định các cam kết tăng cường quan hệ

đối tác chiến lược của. Qua đó, Washington cam kết tiếp tục hỗ trợ các nỗ lực của ASEAN trong việc thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở khu vực. Trong những cam kết của cuộc họp bao gồm: thuận lợi hóa thương mại, kinh tế số và kết nối doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (Hương Trà, 2022).

Từ đó nhìn nhận rằng Mỹ rất coi trọng vị trí và vai trò của ASEAN ở khu vực, mối quan hệ này mang lại lợi ích hai chiều bằng những thỏa thuận rõ ràng và minh bạch. Theo thống kê của Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam năm 2021 đã cho thấy mối quan hệ hợp tác chặt chẽ và lâu dài giữa Mỹ và ASEAN:

Về hợp tác kinh tế:

- Hoa Kỳ và Ban Thư ký ASEAN đã tuyên bố mở các cuộc đàm phán để liên kết cơ chế “Một cửa” ASEAN với hệ thống Môi trường thương mại tự động (ACE) của Hoa Kỳ. Hệ thống này giám sát tất cả các giao dịch thương mại bằng hàng hóa vào Hoa Kỳ. Liên kết này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho thương mại hàng hóa hai chiều với trị giá lên đến 272 tỉ đô la Mỹ giữa Hoa Kỳ và ASEAN.
- Đối thoại về chính sách an ninh mạng đầu tiên giữa ASEAN và Hoa Kỳ diễn ra vào ngày 3/10/2019 tại Tuần lễ Không gian mạng quốc tế ở Singapore đã thúc đẩy các phương pháp tiếp cận chung về an ninh mạng, thương mại số và 5G.

Về hợp tác hàng hải:

- Lễ khai mạc của cuộc Diễn tập Hàng hải Hoa Kỳ – ASEAN, đồng chủ trì với Thái Lan, có sự tham gia của tám tàu hải quân và tàu cảnh sát biển cũng như hơn 1000 thủy thủ đến từ tất cả 11 quốc gia.
- Tháng 12/2021, Diễn đàn chỉ huy Sáng kiến Thực thi pháp luật trên Biển Đông Nam Á sẽ tập hợp các Chỉ huy trưởng Cảnh sát biển khu vực tới để bàn luận về việc chống lại các hành vi khai thác thủy hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không tuân theo quy định, chia sẻ thông tin qua các trung tâm đầu mối hàng hải trong khu vực và chống lại các mối đe dọa về an ninh hàng hải.
- Đầu 2021, Hoa Kỳ đã đồng chủ trì khai mạc hội thảo về mảnh vỡ biển của Diễn đàn khu vực ASEAN, cũng như một cuộc tập trận về hợp tác

thực thi pháp luật trên biển để chống lại việc khai thác thủy hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không tuân theo quy định.

- Hoa Kỳ cũng phối hợp với Tổ chức Hàng hải Quốc tế Liên Hợp Quốc, đang tổ chức một hội thảo về an toàn cảng biển để chống lại các hoạt động khủng bố hàng hải ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, 2021).

2.3.3. Chiến lược an ninh

Trước tình hình an ninh ngày càng phức tạp ở khu vực Biển Đông, Mỹ đã thực thi nhiều chính sách quân sự nhằm đảm bảo an ninh trước sự bành trướng của Trung Quốc cũng như đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống ở khu vực. Kể từ giai đoạn thực hiện chính sách “xoay trục” sang châu Á – Thái Bình Dương, Mỹ đã tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng với hầu hết các nước trong khu vực. Cụ thể năm 2013, Mỹ đã bán cho Philippines hai tàu hộ vệ lớp Hamilton thuộc lực lượng tuần duyên Mỹ có lượng giãn nước trên 2000 tấn giúp quốc gia này tăng cường khả năng đối trọng trước các động thái bành trướng phi pháp từ Trung Quốc. Bên cạnh đó, Mỹ cho lực lượng của mình hiện diện thường trực với quy mô ngày càng lớn tại căn cứ Subic và Clark. Ngoài ra, Mỹ cũng tăng cường tập trận chung và viện trợ quân sự cho quốc gia Philippines, cụ thể năm 2016 nước này nhận tổng cộng 79 triệu USD viện trợ quân sự từ Mỹ, tăng 29 triệu USD so với năm 2015. Song, Manila cũng sẽ nhận thêm 42 triệu USD từ Sáng kiến hàng hải Đông Nam Á của Mỹ, đây là một chương trình xây dựng năng lực hàng hải mà Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ash Carter đã công bố vào năm 2015 (Mỹ Loan, 2016).

Bên cạnh Philippines, Mỹ cũng tăng cường hợp tác quốc phòng với Singapore. Năm 2013, Mỹ và Singapore đã cam kết sẽ tăng cường thúc đẩy hợp tác quốc phòng, gia tăng sự hiện diện lực lượng quân sự của Mỹ tại Singapore. Trước hết là việc triển khai bốn tàu tuần duyên hiện đại nhất. Bên cạnh đó, Singapore cũng cho phép chiến hạm của Mỹ được phép đồn trú tại các cảng của nước này. Ngoài ra Singapore cho biết dự định trong tương lai gần sẽ mua ít nhất 50 tiêm kích F-35 thế hệ thứ 5 của Mỹ nhằm hiện đại hóa lực lượng không quân, đây là một trong những hợp đồng vũ khí lớn nhất mà Mỹ ký kết với các đối tác Đông Nam Á nhiều năm trở lại đây (Nguyễn, 2014).

Ngoài Philippines và Singapore, Thái Lan là một đồng minh quan trọng của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á và là thành viên của tổ chức “Phòng thủ Đông Nam Á”

(SEATO) do Hoa Kỳ khởi xướng. Ngày 15/11/2012, Thái Lan và Mỹ đã ký kết "Tuyên bố Tầm nhìn chung", thiết lập quan hệ liên minh quốc phòng hai nước. Qua đó hai nước sẽ là đối tác của nhau trong việc đối phó với các mối đe dọa an ninh mới ở Đông Nam Á, ủng hộ và đề cao sự ổn định ở châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời Hoa Kỳ sẽ giúp phát triển và hiện đại hóa quân đội Thái Lan. Mỹ cũng tiếp tục tìm kiếm sự ủng hộ của Thái Lan thông qua việc sử dụng và thuê các cảng biển, sân bay của nước này làm căn cứ hậu cần cho các hoạt động quân sự tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Cuộc tập trận "Hổ mang vàng" diễn ra hàng năm chính là minh chứng rõ ràng và sống động nhất cho mối quan hệ quân sự, quốc phòng rất mật thiết giữa hai nước (Nguyễn, 2014). Ngoài ra, Indonesia bắt đầu tham gia cuộc diễn tập CARAT kể từ năm 1995. Hoạt động này là một phần của các cuộc diễn tập song phương của Hải quân Mỹ với chín đối tác hải quân ở Nam và Đông Nam Á gồm Philippines, Singapore, Malaysia, Indonesia, Bangladesh, Brunei, Campuchia, Timor Leste và Thái Lan, nhằm tăng cường hợp tác hàng hải và khả năng phối hợp tác chiến. (Hữu Chiến, 2021).

Trong nhiều năm qua, Hoa Kỳ và Việt Nam đã tổ chức mười một cuộc đối thoại về chính trị, an ninh và quốc phòng nhằm thảo luận về hợp tác an ninh song phương. Những cuộc đối thoại này đã thúc đẩy mối quan hệ song phương này ngày càng phát triển giữa hai quốc gia, đồng thời phản ánh cam kết chung của hai nước đối với một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, rộng mở và độc lập. Cụ thể, Mỹ đã có nhiều động thái hợp tác cũng như hỗ trợ quân sự với Việt Nam, điển hình vào tháng 3/2018, tàu sân bay USS Carl Vinson đã có chuyến thăm Việt Nam, đây là chuyến thăm đầu tiên của một tàu sân bay Hoa Kỳ trong hơn bốn mươi năm. Đến ngày 9/3/2020, tàu sân bay thứ hai của Hoa Kỳ, USS Theodore Roosevelt, đã kết thúc chuyến thăm kéo dài 5 ngày tới Việt Nam sau khi neo đậu tại Đà Nẵng. Ngoài ra, từ năm 2015 đến năm 2019, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã phê chuẩn việc xuất khẩu các thiết bị quốc phòng trị giá 32,3 triệu USD cho Việt Nam thông qua chương trình Giao dịch Thương mại Trực tiếp (DCS) (Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 2021). Bên cạnh đó, Mỹ đã chuyển giao tàu tuần tra USCGC Morgenthau cho Cảnh sát biển Việt Nam vào ngày 25/5/2017. Đến ngày 14-8-2020, Mỹ chuyển giao tàu tuần duyên CSB 8021 và ngày 14/8/2020 là tàu U.S. Coast Guard – USCG cho Việt Nam (Tom Abke, 2021).

Hơn thế nữa, Mỹ cũng tăng cường hỗ trợ và hợp với các nước trong khu vực nhằm chống lại các thách thức an ninh phi truyền thống như khủng bố, buôn người, thiên tai... Cụ thể, chính quyền Tổng thống George W. Bush cung cấp khoản viện trợ khoảng 100 triệu USD cho Philippines để chống lại các phong trào vũ trang Hồi giáo ở nước này. Tại Indonesia, Mỹ chủ yếu giúp đỡ về thu thập tình báo và huấn luyện lực lượng đặc nhiệm sẵn lòng chiến binh Hồi giáo cực đoan (Trung Hiếu, 2021). Phó tổng thống Mỹ Kamala Harris đã tái xác nhận cam kết của Mỹ về việc hợp tác với các đồng minh và đối tác để duy trì và bảo vệ trật tự quốc tế dựa trên luật pháp và mục đích tự do hàng hải ở Biển Đông (Bình An, 2021). Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng đã cấp khoảng 18,3 triệu USD nhằm hỗ trợ y tế và nhân đạo khẩn cấp cho các quốc gia thành viên ASEAN trong việc phòng chống đại dịch COVID-19 (Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, 2020).

Qua những động thái quân sự của Hoa Kỳ ở khu vực Biển Đông có thể thấy rằng, chiến lược an ninh của Mỹ khá toàn diện và bao quát trên nhiều khía cạnh. Điều này thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Hoa Kỳ đối với khu vực trên. Qua đó, đảm bảo an ninh và trật tự ở khu vực, đồng thời duy trì và phát triển vị thế và lợi ích của Mỹ trước bối cảnh trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc.

2.4. Tiểu kết chương 2

Với những tác động hiện nay của khu vực Biển Đông đã phần nào ảnh hưởng đến trật tự thế giới đơn cực mà Mỹ muốn duy trì, đặc biệt là với sự trỗi dậy của Trung Quốc trong những năm qua đã tạo ra nhiều thách thức đối với Washington. Hơn nữa, khu vực này mang lại nhiều lợi ích đối với Hoa Kỳ cả về chính trị, kinh tế hay an ninh. Chính vì thế, Mỹ và các đồng minh phương Tây sẽ ngày càng gia tăng sự hiện diện trên Biển Đông với nhiều hoạt động tự do hàng hải hay diễn tập đa phương nhằm mục đích duy trì vị thế hiện tại. Do đó, Mỹ lên tiếng phản đối với yêu sách chủ quyền của Trung Quốc tại Nam Hải chư đảo gồm "Đông Sa", "Trung Sa", "Tây Sa" (quần đảo Hoàng Sa) và "Nam Sa" (quần đảo Trường Sa).

Từ đó có thể thấy, Biển Đông là chủ đề xuất hiện ngày càng nhiều trên các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế, từ Liên Hợp Quốc, hội nghị G20, G7 hay các sự kiện của ASEAN, vì vậy Hoa Kỳ sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm chống lại sự bành trướng của Bắc Kinh ở vùng biển này trong hiện tại và tương lai.

CHƯƠNG 3: NHỮNG KHẢ NĂNG XẢY RA TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG GIỮA HOA KỲ VÀ TRUNG QUỐC THEO LÝ THUYẾT TRÒ CHƠI HAI TẦNG

3.1. Tương tác trên Biển Đông giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc

1. Sau sự kiện Malaysia và Việt Nam đệ trình lên Ủy ban Ranh giới thêm lục địa của Liên Hợp Quốc (CLCS), vào tháng 5/2009, Trung Quốc cũng đã đệ trình bản đồ "Đường Chín đoạn" để đáp trả lại hành động của hai nước trên (Council on Foreign Relations, 2022). Trước động thái này từ phía Trung Quốc, trong Tuyên bố của Ngoại trưởng Hoa Kỳ ngày 23/7/2010 tại Hà Nội, đã lên tiếng phản đối những yêu sách biển không tuân thủ Công ước Luật biển 1982, mà “Đường Lưỡi bò” chính là đối tượng được nhắc tới (Quản trị, 2012). Trong sự kiện này có thể thấy Trung Quốc đang bắt đầu có những động thái trong việc kiểm soát Biển Đông. Bản đồ "Đường Chín đoạn" mà Trung Quốc gửi lên Ủy ban Ranh giới thêm lục địa của Liên Hợp Quốc thể hiện sự mập mờ cho thấy Bắc Kinh không khẳng định rõ ràng mục đích trong hành động này của họ.

+ Qua sự kiện trên, Trung Quốc đã thành công trong việc tạo nên tiền đề tranh chấp, làm cơ sở hình thành nên lịch sử tranh chấp, để có lý do cho các động thái bành trướng tiếp theo của họ ở Biển Đông. Qua đó, Trung Quốc nắm được phương pháp giải quyết vấn đề của các bên liên quan cũng như thăm dò được phản ứng của Hoa Kỳ.

+ Trong sự kiện này, Hoa Kỳ có lên tiếng phản đối nhưng chưa thật sự mạnh mẽ, cứng rắn đối với hành động của Bắc Kinh. Qua đó, Mỹ vừa giữ được mối quan hệ bình thường với Bắc Kinh vừa mở đường cho các quyền can thiệp sau này của Mỹ ở khu vực trên.

Do đó có thể thấy, trong sự kiện này giữa Mỹ - Trung đều đã có bước tiến hạn chế ban đầu trong việc kiểm soát/đối kháng ở Biển Đông.

2. Ngày 17/11/2011, tổng thống Obama trích dẫn chiến lược “Tái cân bằng” của Hoa Kỳ sang châu Á - Thái Bình Dương trong bài phát biểu mang tính bước ngoặt trước Quốc hội Úc. Ông tuyên bố Hoa Kỳ sẽ hướng sự chú ý chiến lược của mình sang châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là phần phía nam của khu vực. Chính quyền Obama thông báo về việc triển khai quân đội và thiết bị mới đến Úc và Singapore, đồng thời cam kết rằng việc cắt giảm chi tiêu quốc phòng của Hoa Kỳ sẽ không làm mất giá trị của các cam kết với khu vực (Council on Foreign Relations, 2022). Để đối

trọng lại chiến lược này của Mỹ, Trung Quốc đề xuất ý tưởng về sáng kiến Vành đai và Con đường (Phạm, 2021).

+ Sự kiện này cho thấy Mỹ đã dịch chuyển trọng tâm chiến lược sang châu Á - Thái Bình Dương để mở rộng ảnh hưởng và quyền lực của mình ở khu vực, qua đó kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như bảo vệ và mở rộng lợi ích của Hoa Kỳ ở khu vực Biển Đông.

+ Để đối trọng lại chiến lược của Hoa Kỳ, Trung Quốc cũng đề xướng một chiến lược có quy mô lớn chưa từng có trong lịch sử đó là BRI. Điều đó giúp Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng ở khu vực cũng như mở ra con đường phát triển trước sự bao vây của Mỹ và các đồng minh, qua đó giảm thiểu sự phát triển mạng lưới đồng minh của Mỹ ở khu vực cũng như tiếp tục kế hoạch bành trướng ở Biển Đông với quy mô chiến lược lâu dài.

Từ những điều đó có thể thấy giữa Mỹ và Trung Quốc đã có những bước tiến mang tầm chiến lược trong việc kiểm soát Biển Đông. Tuy nhiên, xét về tính chất chiến lược của hai nước vẫn chưa có tác động ảnh hưởng trực tiếp trong tranh chấp hai bên.

3. Ngày 10/4/2012, xảy ra xung đột giữa Trung Quốc với Philippines ở bãi cạn Scarborough, sau đó tháng 6/2012, tổng thống Philippines Benigno Aquino III có chuyến thăm Washington nhằm gửi tín hiệu về sự thống nhất trong liên minh Mỹ - Philippines. Song, Mỹ vẫn giữ sự "chiến lược mơ hồ" về ý nghĩa của hiệp ước khi một cuộc xung đột bùng nổ ở Biển Đông. Sau nhiều tuần họp, thảo luận và đàm phán, với vai trò trung gian, vào giữa tháng 6/2012 các quan chức Mỹ đã giúp xây dựng một thỏa thuận mà theo đó hai bên sẽ cùng rút lui khỏi khu vực tranh chấp. Tuy nhiên, đến tháng 7, Trung Quốc khẳng định quyền kiểm soát đối với bãi cạn (Vũ Hoàng, 2019).

+ Sự kiện trên cho thấy, Trung Quốc đã thành công trong việc bành trướng ở Biển Đông bằng sức mạnh và quyền lực của mình, đồng thời cho thấy luật pháp và dư luận quốc tế đã không chứng minh được tính thực dụng trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp ở khu vực, qua đó tạo tiền đề dẫn tới tái diễn các hành động phi pháp của Trung Quốc.

+ Cách giải quyết vấn đề trên của Hoa Kỳ đã dẫn tới sự thụ lùi của họ trong việc duy trì kiểm soát trật tự ở Biển Đông. Qua đó cho thấy Mỹ tại thời điểm trên chưa

thể kiểm chế các hành động của Trung Quốc bằng phương pháp hoà giải cũng như chưa thể kiểm soát trật tự và những tranh chấp ở khu vực do Bắc Kinh tạo ra.

Từ điều trên cho thấy, Trung Quốc đã thành công trong bước đầu của việc kiểm soát một lãnh hải cụ thể bên ngoài khu vực Hoàng Sa trên Biển Đông mà không gặp sự cản trở nào từ phía Hoa Kỳ.

4. Cuối năm 2013, Trung Quốc đã bắt đầu tiến hành cải tạo đất và xây dựng trên một số địa điểm ở Trường Sa (Council on Foreign Relations, 2022). Trước động thái này từ phía Bắc Kinh, hôm 28/4/2015, khi gặp Thủ tướng Nhật Shinzo Abe, Tổng thống Mỹ Barack Obama cũng nói ông lo ngại về việc Trung Quốc xây dựng đảo ở Biển Đông. Tuy nhiên, Mỹ vẫn không có hành động cụ thể nào vào giai đoạn này.

+ Qua đó cho thấy Trung Quốc đã có sự phát triển đáng kể trong việc xây dựng các tiền đề vững chắc cho mục tiêu kiểm soát khu vực Biển Đông.

+ Mỹ đã thất bại trong việc ngăn chặn sự phát triển bành trướng của Trung Quốc ở khu vực. Từ đó dẫn tới hệ quả là Trung Quốc ngày càng có nhiều động thái làm dấy lên lo ngại và căng thẳng ở Biển Đông. Từ những điều đó đã thể hiện Trung Quốc “tiên” và Mỹ “lùi” trong việc kiểm soát Biển Đông.

Trung Quốc đã có những bước hành động rõ ràng thông qua những kế hoạch cụ thể trong việc kiểm soát Biển Đông, đồng thời Trung Quốc đã mở rộng mở rộng phạm vi hoạt động tại khu vực ngoài Hoàng Sa và bãi cạn Scarborough.

5. Ngày 14/2/2016, Trung Quốc triển khai “tên lửa đất đối không” trên đảo Phú Lâm, thuộc chuỗi đảo Hoàng Sa của Việt Nam ở Biển Đông. Trước các động thái này của Trung Quốc, ngày 16/2/2016 tổng thống Obama phát biểu “Mỹ sẽ tiếp tục hiện diện ở bất cứ đâu luật pháp quốc tế cho phép”. Đồng thời phó đô đốc Joseph Aucoin cũng cho biết, quân đội Mỹ sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động tự do hàng hải và hàng không (theo luật quốc tế) bất chấp các hăm dọa vô lý của Trung Quốc (Trung Hiếu, 2016). Qua động thái của hai bên cho thấy:

+ Trung Quốc đã thành công trong việc quân sự hoá các đảo ở Biển Đông, qua đó có khả năng răn đe và kiểm soát hoàn toàn khu vực này trong tương lai.

+ Trước những động thái của Bắc Kinh, Mỹ vẫn giữ lập trường và các nguyên tắc tự do hàng hải theo luật pháp quốc tế, qua đó có thể triển khai quân sự tại vùng biển quốc tế, trong đó có các đảo nhân tạo của Trung Quốc ở khu vực Biển Đông. Từ những điều đó có thể thấy, Mỹ cũng có khả năng răn đe quân sự tương tự ở khu vực

này. Do đó, Trung - Mỹ đều “tiên” trong việc duy trì và mở rộng ảnh hưởng ở Biển Đông. Trung Quốc bắt đầu có động thái quân sự hóa thành công ở khu vực nhằm mục tiêu kiểm soát toàn bộ Biển Đông. Bên cạnh đó, Mỹ cũng đã có những động thái đáp trả cụ thể về quân sự để kháng cự sự bành trướng của Trung Quốc.

6. Tháng 10/2015, Hoa Kỳ bắt đầu các hoạt động tự do hàng hải (FONOP) ở Biển Đông trong đó có việc đưa các tàu sân bay, tàu chiến, máy bay tới khu vực này. Vào tháng 2/2019, hai tàu khu trục là Spruance và Preble của Hải quân Mỹ đã đi vào trong vùng biển 12 hải lý xung quanh các đảo trong quần đảo Trường Sa. Hoạt động FONOP lần này được tiến hành xung quanh Đá Vành Khăn, một rạn san hô phía đông quần đảo Trường Sa mà Trung Quốc đã bồi đắp thành một đảo có đường băng cho máy bay và xây dựng cơ sở quân sự. Trước các động thái này từ Mỹ, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc - Lục Khánh tuyên bố hành động của chiến hạm Mỹ đã xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc và vi phạm luật pháp quốc tế. Đáp trả điều đó Trung Quốc đã “cương quyết phản đối” là tuyên bố “Chúng tôi (Trung Quốc) yêu cầu phía Mỹ lập tức chấm dứt kiểu hành động khiêu khích này” và nói thêm rằng Trung Quốc đã cho chiến hạm và máy bay ra để xác định và cảnh báo chiến hạm Mỹ (Nguyễn, 2019).

+ Qua động thái của hai bên cho thấy, Mỹ đã không công nhận các đảo nhân tạo của Trung Quốc là những thực thể có chủ quyền được hưởng 12 hải lý vùng nội thủy và triển khai quân sự trong vùng nội thủy của các đảo này. Trên lý thuyết, hành động của Mỹ đã vi phạm chủ quyền **nếu** các đảo của Trung Quốc được công nhận đầy đủ để hưởng các quyền kiểm soát trong phạm vi 12 hải lý vùng nội thủy. Trên thực tế, Bắc Kinh **không** có chủ quyền tại đây, do đó đây là cách thức Washington gây trở ngại trong việc khẳng định chủ quyền một cách phi pháp ở các đảo nhân tạo từ phía Trung Quốc.

+ Trước động thái từ phía Mỹ, Trung Quốc lên tiếng phản đối nhưng không có động thái ngăn chặn hành động của Mỹ. Điều đó cho thấy, Bắc Kinh vẫn chưa thể đối đầu với Mỹ trực diện trong các vấn đề ở Biển Đông, đồng thời thể hiện cách tiếp cận của Bắc Kinh trong việc cạnh tranh với Mỹ ở khu vực Biển Đông là mềm dẻo và tránh gây ra xung đột giữa hai bên.

Mỹ đã có những hành động kháng cự cứng rắn hơn để đáp trả sự bành trướng của Trung Quốc ở Biển Đông. Song, Trung Quốc vẫn chưa có những động thái đáp trả cụ thể để bảo vệ sự bành trướng phi pháp của mình trong khu vực.

7. Ngày 15/12/2016, Trung Quốc bắt giữ máy bay không người lái dưới nước của Mỹ. Theo Lầu Năm Góc, một tàu chiến Trung Quốc đã thu giữ được một máy bay không người lái dưới nước của Hải quân Mỹ đang thu thập dữ liệu khoa học ở Biển Đông. Các quan chức Mỹ cho biết tàu Trung Quốc đã phớt lờ lời kêu gọi của họ để trả lại máy bay không người lái. Tuy nhiên, vài ngày sau Trung Quốc đồng ý trả lại máy bay không người lái nhưng chỉ trích Hoa Kỳ vì đã "thối phồng" tranh chấp, trong khi Lầu Năm Góc khẳng định rằng đây là một "vụ thu giữ bất hợp pháp" không nên tái diễn (Council on Foreign Relations, 2022).

Qua sự kiện trên cho thấy Hoa Kỳ tiếp tục gây ra những trở ngại đối với chủ quyền của các quần đảo mà Trung Quốc xâm chiếm phi pháp. Điều đó thể hiện Mỹ vẫn cố gắng duy trì trật tự tự do bất chấp các tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc ở khu vực.

Mặc dù Trung Quốc có các hành động bảo vệ chủ quyền phi pháp của họ ở các đảo tại biển Đông. Tuy nhiên, việc Trung Quốc trả lại máy bay không người lái dưới nước cho phía Mỹ thể hiện sự nhượng bộ và tránh đối đầu với Hoa Kỳ ở khu vực này.

Từ đó có thể thấy, cả Mỹ và Trung Quốc đều "lùi". Cụ thể, hành động từ hai phía cho thấy hai bên đã có sự "nhường" để tránh sự xung đột ở hiện tại.

8. Ngày 18/5/2018, máy bay ném bom Trung Quốc hạ cánh trên đảo Phú Lâm. Lần đầu tiên, một máy bay ném bom của Trung Quốc đáp xuống một hòn đảo ở Biển Đông. Trước hành động này từ Trung Quốc, phát ngôn viên Lầu Năm Góc Christopher Logan xác nhận, Bộ Quốc phòng Mỹ đã ghi nhận những thông tin đó và thấy rằng Trung Quốc đang tiếp tục "quân sự hóa Biển Đông". Theo phát ngôn viên Mỹ, các sự kiện đó "chỉ làm gia tăng căng thẳng và gây sự không ổn định trong khu vực" (CSIS, 2018).

Qua hành động trên cho thấy, Trung Quốc đã gia tăng những động thái bành trướng ở khu vực Biển Đông. Về phần Mỹ vẫn chưa có hành động cụ thể ở Biển Đông để đáp trả lại động thái này của Trung Quốc. Do đó, trong trường hợp này Trung Quốc đã có bước tiến đáng kể trong khi phía Mỹ cho thấy sự thụt lùi của họ trong việc ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc ở khu vực Biển Đông.

9. Ngày 30/9/2018, tàu chiến Hoa Kỳ và Trung Quốc suýt va chạm ở quần đảo Trường Sa. Lầu Năm Góc cho biết tàu của Trung Quốc, Lanzhou, đã đi qua USS Decatur trong vòng 45 mét, vốn đang tiến hành hoạt động tự do hàng hải thường lệ. Trung Quốc lên án cuộc tuần tra của Hoa Kỳ là một mối đe dọa đối với chủ quyền của nước này (Council on Foreign Relations, 2022).

Trước sự kiện trên, cả Mỹ và Trung Quốc không có sự nhượng bộ trong việc đối phó với các tình huống căng thẳng trên Biển Đông.

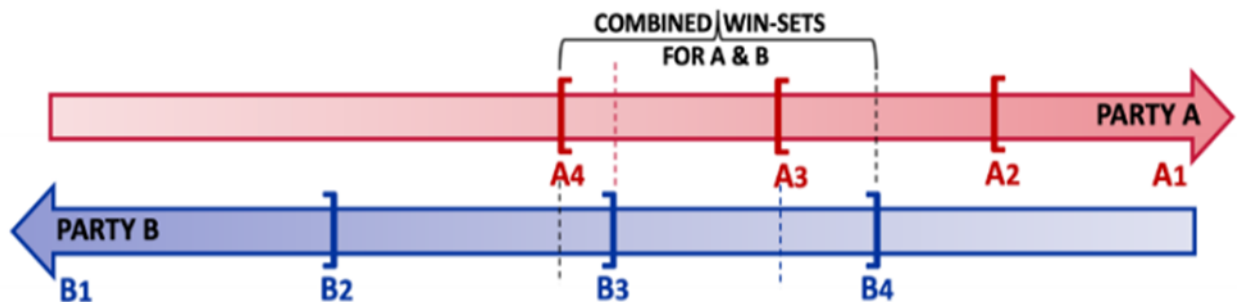
10. Ngày 13/7/2020, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Mike Pompeo ra tuyên bố rằng, hầu hết các tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc ở Biển Đông là trái pháp luật. Cụ thể, Washington bác bỏ tất cả các yêu sách của Bắc Kinh kéo dài hơn 12 hải lý tính từ các bờ biển của Trung Quốc, bao gồm cả vùng biển ngoài khơi Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Ngay sau đó, ngày 14/7/2020, phía Trung Quốc kiên quyết phản đối tuyên bố của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Theo Hãng tin Reuters, phía Trung Quốc nói rằng việc Washington cáo buộc Bắc Kinh “bắt nạt” (gây hấn) các nước láng giềng là “hoàn toàn phi lý”, “Mỹ không phải là quốc gia có liên quan trực tiếp tới các tranh chấp. Tuy nhiên, họ liên tục can thiệp vào vấn đề này” - Đại sứ quán Trung Quốc tại Mỹ nêu trong một tuyên bố được đăng trên trang thông tin của họ (Thu Thủy, 2020).

Tóm lại, sơ lược lịch sử tương tác giữa Mỹ và Trung Quốc ở Biển Đông trong khoảng thời gian từ năm 2010, ở mỗi sự kiện đã cho thấy rằng: cả hai bên đều có những động thái đáp trả lẫn nhau. Tuy nhiên, những hành động này của hai bên chưa đến mức xung đột trực tiếp về quân sự và thể hiện qua mức độ “tiến” - “lùi” cụ thể như trong bảng sau:

Xung đột		Trung Quốc	
		Tiến	Lùi
Mỹ	Tiến	1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 1, 2, 5, 6, 9, 10	6, 7
	Lùi	3, 4, 7, 8,	

Bảng 1: Biểu đồ thống kê các trường hợp xảy ra xung đột giữa Mỹ - Trung ở Biển Đông

Để dẫn tới những tương tác trên của Mỹ - Trung ở Biển Đông đòi hỏi hai bên đã đặt ra các cấp độ lợi ích cũng như cấp độ thiệt hại cụ thể đối với quốc gia của mình. Trong một vấn đề chung là nhu cầu của Mỹ - Trung ở Biển Đông, cả hai bên đều có khoảng lợi ích riêng của mình. Tuy nhiên các khoảng lợi ích của hai bên đều có sự đối lập với nhau, tức lợi ích tối đa của Mỹ cũng chính là thiệt hại tối đa đối với Trung Quốc. Do đó, cả hai bên được đặc trong một cuộc đàm phán ngầm có thể biểu diễn qua biểu đồ sau:



Hình ảnh 3: Các cấp độ đàm phán của Mỹ và Trung Quốc (Almase và Devi, 2020).

Các mức độ dự kiến được Washington chấp nhận (Mũi tên màu đỏ ở trên - Party A):

+ A2-A1: Kết quả tối đa: đảm bảo ổn định khu vực, các tuyến đường biển thông thoáng và chống sử dụng vũ lực.

+ A3-A2: Kết quả dưới cực đại: đảm bảo một phần ổn định khu vực, các tuyến đường biển thông thoáng và chống sử dụng vũ lực.

+ A4-A3: Kết quả tối thiểu: đảm bảo tối thiểu sự ổn định của khu vực, các tuyến đường biển thông thoáng và chống sử dụng vũ lực.

Các mức độ dự kiến được Bắc Kinh chấp nhận (Mũi tên màu đỏ ở dưới - Party B):

+ B2-B1: Kết quả tối đa: chiếm toàn bộ Biển Đông với việc sử dụng vũ lực trên diện rộng, thường xuyên chặn các tuyến đường biển.

+ B3-B2: Kết cục dưới cực đại: một phần chiếm đóng Biển Đông với việc sử dụng vũ lực không rộng rãi, không thường xuyên chặn các tuyến đường biển.

+ B4-B3: Kết cục tối thiểu: chiếm một phần Biển Đông với việc sử dụng vũ lực không thường xuyên, chặn các tuyến đường biển không thường xuyên.

Từ đó, Mức độ cân bằng về các mức dự kiến được cả hai bên chấp nhận (combined winset) là sự dao động giữa hai cực sau đây:

+ A4-B3: Kết quả tối thiểu đối với Washington & Bắc Kinh: đảm bảo ổn định khu vực, các tuyến đường biển rộng mở và chống sử dụng vũ lực một cách tối thiểu (Washington) & chiếm đóng một phần Biển Đông với việc sử dụng vũ lực không rộng rãi, không thường xuyên chặn các tuyến đường biển (Bắc Kinh).

+ A3-B4: Kết cục tối thiểu cho Washington & Bắc Kinh: một phần đảm bảo ổn định khu vực, các tuyến đường biển rộng mở và chống sử dụng vũ lực (Washington) và một phần chiếm đóng Biển Đông mà không sử dụng vũ lực thường xuyên, không thường xuyên phong tỏa các tuyến đường biển (Bắc Kinh).

Theo lý thuyết Trò chơi hai tầng, thỏa thuận trên của Mỹ - Trung được đặt trong cấp độ một của lý thuyết, tức về mặt đàm phán, hai bên đã có sự thống nhất trong thỏa thuận nhằm đạt được lợi ích tối đa cho mỗi bên nhưng chưa phải là lợi ích tối đa so với nhu cầu thực tế của hai bên. Do đó, Mỹ - Trung vẫn tồn tại những vấn đề nhất định trong tham vọng của mình ở Biển Đông. Bởi lẽ, lợi ích mà hai bên đạt được vẫn chưa được thỏa mãn. Ngoài ra, ở cấp độ thứ hai của lý thuyết, hai bên cần xem xét các vấn đề nội bộ trong nước để tiến tới việc hoạch định chiến lược hành động thực tế của mỗi bên.

3.2. Phân tích chính trị nội bộ Hoa Kỳ và Trung Quốc

3.2.1. Chính trị nội bộ Hoa Kỳ

Về căn bản, mâu thuẫn Mỹ - Trung xuất phát từ sự cạnh tranh quyền lực với vị thế bá quyền toàn cầu. Từ sau chiến tranh lạnh, Mỹ không còn đối thủ cạnh tranh qua đó nước này nắm giữ vị thế bá quyền toàn diện, điều đó đã đem đến lợi ích rất lớn cho nước Mỹ về kinh tế, chính trị, quân sự.... Tuy nhiên, qua đến thế kỷ 21, thế giới chứng kiến một Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ, có đủ tiềm năng cạnh tranh bá quyền toàn cầu và phá vỡ những lợi ích cốt lõi của Hoa Kỳ. Điều đó đã dẫn tới mối quan ngại to lớn đối với giới tinh hoa Mỹ cũng như đối với dư luận xã hội Hoa Kỳ trong nhiều năm gần đây. Chính vì vậy, giữa Mỹ - Trung đã hình thành nên trạng thái đối đầu về mọi mặt, nhằm bảo vệ lợi ích cũng như sự an nguy của mỗi bên trong môi trường vô chính phủ ở cấp độ toàn cầu. Tuy nhiên để dẫn tới một cuộc xung đột cần hội tụ đủ các điều kiện từ chủ quan đến khách quan ở mỗi bên. Do đó qua lăng kính “lý thuyết trò chơi hai tầng” có thể làm rõ các khả năng cũng như các nguyên nhân và điều kiện dẫn tới bối

cạnh xung đột giữa Mỹ và Trung Quốc tại Biển Đông ở hiện tại cũng như trong tương lai.

Nói cách khác, “lý thuyết trò chơi hai tầng” là nỗ lực nhằm nắm bắt “sự phụ thuộc lẫn nhau mang tính phức tạp vào các hoạch định chính sách đối ngoại” liên quan đến cả đàm phán quốc tế và phê chuẩn nội bộ sau đó. Các nhà hoạch định chính sách phải làm việc trong hai lĩnh vực riêng biệt, cụ thể là trong nước và quốc tế, nơi có các quy tắc và lợi ích khác nhau được tính đến, điều này đôi khi đặt các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ vào tình thế nan giải.

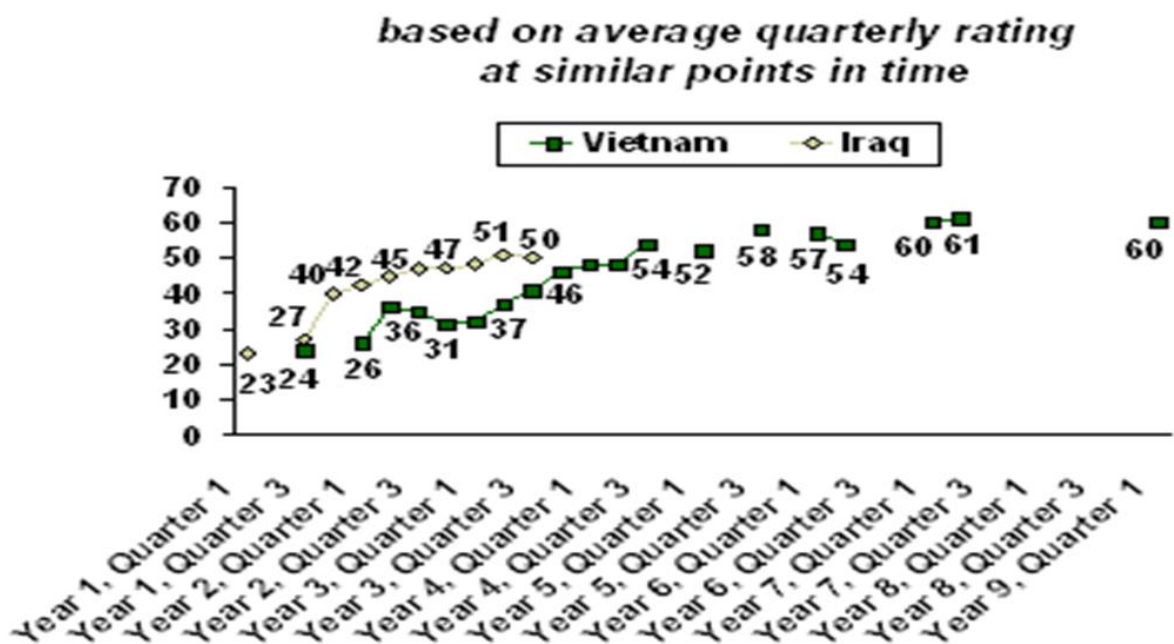
Ở cấp độ đầu tiên của lý thuyết trò chơi, Mỹ - Trung có sự đối lập nhau về lợi ích. Do đó, có cơ sở kết luận rằng, để đạt được một thỏa thuận, nó phải nằm trong phạm vi đôi bên cùng có lợi. Nếu không, lợi ích của một bên lên đến mức độ nào cũng có nghĩa là bên kia chịu thiệt hại ở một mức độ tương ứng. Người ta cũng có thể đề cập đến “Song đề tù nhân” như một cách khác để minh họa cách các bên có thể hợp tác hoặc không thể hợp tác ở cấp độ thương lượng đầu tiên. Ngoài cấp độ đó, sau khi đạt được thỏa thuận dự kiến, (các) nhà đàm phán phải thông qua khâu phê duyệt trong nước (cấp độ hai) và sự thành công của quá trình này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như sự khác biệt trong nhận thức và lợi ích của người dân trong nước, những người có mức độ quan tâm, sự đồng thuận, mức độ tích cực và khả năng tạo áp lực chính trị đối với các nhà đàm phán. Bên cạnh đó, cơ chế tam quyền phân lập trong chế độ đối nội của Hoa Kỳ cũng góp phần quan trọng vào việc các hiệp định và chính sách được phê chuẩn (Almase và Devi, 2020).

Theo cơ sở lý thuyết được đề cập ở đây, đối với Mỹ nền tảng an ninh của nước này dường như đã dao động trong chiến lược đối với Biển Đông và các nước xung quanh. Một ví dụ đáng chú ý là cách Washington quay lưng lại với Philippines đối với Sabah vào năm 1963 để ủng hộ Malaysia thống nhất và sự ổn định chung của khu vực. Những biến động khác là sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Đông Dương và rút quân lần lượt trong những năm 1950 và 1970.

Ở cấp độ đầu tiên của lý thuyết trò chơi, những biến động chiến lược được đề cập chỉ là những sự kiện bề nổi cho cam kết kiên định của Mỹ đối với sự ổn định của khu vực, các tuyến đường biển và thương mại rộng mở, đồng thời là sự chống lại việc sử dụng vũ lực, một trong các nhân tố có thể gây mất ổn định trong khu vực. Điều này cũng làm sáng tỏ sự miễn cưỡng của Mỹ trong việc bảo vệ Philippines trước Trung

Quốc trong các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông, ngay cả khi lực lượng hải quân Trung Quốc đe dọa Philippines tại bãi cạn Thomas thứ hai và hai nước vẫn duy trì Hiệp ước Phòng thủ chung. Một vị cựu tổng thống Hoa Kỳ khẳng định rằng: “Mỹ sẽ không trở lại để can thiệp vào việc chiếm đóng hiện có của Trung Quốc đối với các đảo và các điểm địa lý khác, cũng như chúng tôi sẽ không chấp nhận việc nước này quay lại chiếm đóng các đảo và địa điểm khác của các nước láng giềng”. Về cơ bản nhất, Hoa Kỳ phải giữ gìn hòa bình và hiện trạng ổn định trong một khu vực cực kỳ quan trọng nhưng dễ bị tổn thương và cũng là nơi vẫn bị lịch sử ám ảnh” (Andrew S. Erickson, 2016).

Ở cấp độ thứ hai, vấn đề có thể được hiểu rõ hơn qua sự im lặng và không có hành động bất kỳ nào của chính quyền Ford vào năm 1974 từ góc độ chính trị trong nước. Trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã chứng kiến phong trào phản chiến lớn nhất trong lịch sử của đất nước này. Trong khoảng thời gian từ 1965 - 1973, dữ liệu của Gallup cho thấy một xu hướng rõ ràng rằng Mỹ tham chiến càng lâu thì công chúng càng phản đối cuộc “thảm hiềm quân sự” như vậy.



Hình ảnh 4: Bản đồ xu hướng của dư luận Mỹ về chiến dịch quân sự của họ ở Việt Nam (Newport và Carroll, 2005).

Như được minh họa trong biểu đồ, vào năm 1965, khi Mỹ trực tiếp tham chiến, chỉ có 24% công chúng cho rằng việc đưa quân sang Việt Nam là một sai lầm; tuy nhiên, con số này gần như liên tục tăng lên 37% chỉ trong hai năm, 52% trong bốn

năm và 60% sau tám năm (1973). Thống kê này phản ánh chính xác rằng “sự mệt mỏi vì chiến tranh làm ảnh hưởng đến những chủ thể ra quyết định ở Washington” (Yoshihara, 2016) và phong trào phản chiến đã thực sự giúp đưa chiến tranh đến điểm kết thúc. Mặc dù phong trào chưa bao giờ đạt được sự chấp nhận chính thức của chính Hoa Kỳ, nhưng về cuối chiến tranh (1973-1974) Quốc hội đã phần nào bị tác động bởi phong trào và quyết tâm hơn để ngăn chặn chính quyền can thiệp sâu vào chiến tranh, đặc biệt là sau Hiệp định Paris năm 1973 (McCulloch, 2008). Ảnh hưởng này đã được chứng minh một cách học thuật trong nghiên cứu của Page và Shapiro, những học giả đã chứng minh hai điểm quan trọng (i) ý kiến của công chúng, nhìn chung, khá ổn định và chậm thay đổi có tính hợp lý và (ii) các nhà hoạch định chính sách bị dư luận hạn chế trong các lựa chọn của họ (Page và Shapiro, 1983). Trên thực tế, những gì mà chính quyền Mỹ thời bấy giờ phải đối mặt trong chiến tranh là sự ảnh hưởng tổng hợp của các tổ chức nghiên cứu (học giả), các nhóm lợi ích (phong trào phản chiến) và thậm chí cả các nhà lập pháp (Quốc hội). Các phương tiện truyền thông sau đó cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin đầy đủ cho công chúng, dẫn đến sự tham gia rất tích cực của mọi người từ mọi tầng lớp xã hội, những người cảm nhận sự mất mát lợi ích đáng kể từ chiến tranh, và thậm chí từ việc hoạch định chính sách.

Về phản ứng của công chúng đối với sự tham gia của quân đội Mỹ ở Biển Đông có trở thành nhân tố định hình chính sách đối ngoại của nước này không? Một điểm khác biệt liên quan đến sự chú ý của công chúng giữa thời kỳ Chiến tranh Việt Nam và tranh chấp Biển Đông hiện tại là mức độ đưa tin của các phương tiện truyền thông, theo đó thời kỳ trước công chúng đã được đưa tin một cách cặn kẽ trong khi vào thời kỳ sau này về những mâu thuẫn trên Biển Đông chỉ được đề cập một cách thỉnh thoảng trong các bản tin. Do đó, sự chú của công chúng Mỹ đã phần nào bị hạn chế về vấn đề Biển Đông. Tuy nhiên, đã có một lượng lớn thông tin về nhận thức của công chúng Mỹ về Trung Quốc để có thể tạo ra cơ sở suy luận về thái độ của cùng một chủ thể đối với tranh chấp ở Biển Đông. Nhìn chung, đã có xu hướng cho rằng một bộ phận đáng kể công chúng Mỹ coi Trung Quốc là kẻ thù của quốc gia (20% vào năm 2014, 12% vào năm 2015, 22% vào năm 2020 và 45% vào năm 2021) (McComick, 2017, Younis, 2021). Bên cạnh đó, một cuộc khảo sát của Trung tâm Pew được thực hiện trong năm 2016 - 2017 cho thấy 55% và 47% công chúng lần lượt có thái độ thiếu thân thiện đối

với Trung Quốc. Tuy nhiên, đáng chú ý là một cuộc khảo sát của Trung tâm Pew năm 2015 xác nhận rằng chỉ có 30% công chúng Mỹ nghĩ rằng các tranh chấp giữa Trung Quốc và các nước láng giềng là có liên quan đến Hoa Kỳ và một cuộc khảo sát khác của Hội đồng các vấn đề toàn cầu Chicago tiết lộ chỉ 22% xem Bắc Kinh như một "mối đe dọa quan trọng" đối với Washington. Tuy nhiên, với tất cả những con số thống kê đó, đã minh chứng cho việc dư luận Mỹ không có mong muốn Hoa Kỳ can thiệp quân sự vào Đông Á hoặc Biển Đông. Điều này được chứng minh bằng thực tế là chỉ có 33% công chúng ủng hộ sự can thiệp quân sự vào Biển Hoa Đông (Nhật Bản và Hàn Quốc là trọng điểm) trong khi tỉ lệ là 28% khi Trung Quốc xâm lược Đài Loan (McComick, 2017). Điều quan trọng là ba quốc gia này đại diện cho lợi ích cốt lõi của Washington trong khu vực và Biển Đông có thể cũng có mức độ quan trọng theo cách tương tự đối với Hoa Kỳ. Cho đến nay, một đánh giá lịch sử toàn diện chỉ xác nhận hai điều quan trọng: (i) công chúng Mỹ có cái nhìn tiêu cực về Trung Quốc và (ii) nước này không ủng hộ đáng kể một "cuộc phiêu lưu quân" sự đến khu vực này. Điều này hoàn toàn phù hợp với chính sách, sự hiện diện quân sự hiện tại của Mỹ và việc hạn chế sử dụng sức mạnh quân sự ở Biển Đông.

3.2.2. Chính trị nội bộ Trung Quốc

Bên cạnh các lợi ích về địa chính trị, kinh tế và an ninh quân sự đã được đề cập, Chủ nghĩa dân tộc có thể xem là động cơ cốt lõi khiến chính quyền Trung Quốc thực hiện những động thái ngày càng hung hăng ở Biển Đông. Về cơ bản, Chủ nghĩa dân tộc là một hệ tư tưởng, tình cảm, một hình thức văn hóa hoặc tư duy tập thể của quốc gia, dân tộc (Nguyễn, 2019). Chủ nghĩa dân tộc ở Trung Quốc được chia thành hai chiều hướng. Thứ nhất là sự tác động từ trên xuống, chính quyền Bắc Kinh dựa vào các công cụ quản lý nhà nước như truyền thông, báo chí... từ đó xây dựng tư tưởng cũng như định hướng dư luận trong xã hội. Thứ hai là từ dưới lên, xuất phát từ các nhu cầu cốt lõi và cơ bản của người dân qua đó tác động đến xu hướng hành động của chính quyền Trung Quốc. Điều quan trọng là hai phạm trù này không tồn tại độc lập tuyệt đối mà có sự tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, trong các vấn đề đối ngoại của chính quyền Bắc Kinh có sự chi phối đáng kể từ Chủ nghĩa dân tộc.

Nguồn gốc của Chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc có thể được định hình qua quá trình lịch sử, cụ thể là một Trung Hoa vĩ đại trong quá khứ và một Trung Hoa chịu "Bách niên quốc sỉ" trong thời cận đại. Bởi lẽ đó, chính quyền Bắc Kinh không thể

phớt lờ tâm tư, ý chí cũng như lợi ích của hơn một tỷ dân trong việc hoạch định và thực thi các chính sách đối ngoại. Đặc biệt trước bối cảnh mạng Internet phát triển rộng rãi, việc lan truyền các thông tin bất lợi đối với Trung Quốc đến từ bên ngoài sẽ tạo nên làn sóng phản kháng mạnh mẽ, điển hình là trường hợp biểu tình phản đối sự kiện Mỹ ném bom Đại sứ quán của Trung Quốc tại Belgrade hay làn sóng phản đối lãnh đạo Nhật Bản thăm đền Yasukuni, biểu tình và đập phá liên quan đến tranh chấp chủ quyền về quần đảo Senkaku/Điếu Ngư năm 2010 và 2012... Chính điều đó, đã khiến chính Bắc Kinh đối mặt với nhiều thách thức cả trong nước và trong quan hệ đối ngoại. Trên thực tế, Internet có tác động hai chiều đối với dư luận Trung Quốc. Chính quyền Bắc Kinh sử dụng các công cụ truyền thông, báo chí để dẫn dắt dư luận cũng như kiểm soát mức độ quan tâm của công chúng. Tuy nhiên Internet cũng có thể làm suy yếu khả năng định hình, diễn giải đối với công chúng về các sự kiện bên ngoài của chính phủ Trung Quốc, do các quan điểm của công chúng dần trở nên độc lập hơn với sự hỗ trợ của Internet trong khi các biện pháp kiểm duyệt của chính phủ Trung Quốc không thể ngăn chặn hoàn toàn “dòng chảy” dư luận trong nước (Nguyễn, 2019). Chính vì vậy, Chủ nghĩa dân tộc luôn là vấn đề quan trọng đối với vai trò, tính chính danh và cả việc hoạch định chính sách đối ngoại của chính quyền Trung Quốc.

Theo TS. Andrew Chubb, sở dĩ Trung Quốc có thể huy động dư luận để gây sức ép trong tranh chấp Biển Đông phần lớn là do Chủ nghĩa dân tộc về chủ quyền và lãnh thổ đã ngấm ngàm ăn sâu vào trong lòng xã hội Trung Quốc. Dựa trên kết quả khảo sát 1413 người dân thành thị Trung Quốc năm 2013 cho thấy 45.6% người được khảo sát ủng hộ các hoạt động quân sự ở Biển Đông, cao hơn so với 41.7% so trường hợp Điếu Ngư. Gần 83% đồng ý rằng việc duy trì tình trạng hiện tại ở Biển Đông là sự tiếp diễn của một “Thế kỷ bị sỉ nhục (Century of humiliation)” (Nguyễn, 2019).

Dưới “danh nghĩa” của Chủ nghĩa dân tộc, Trung Quốc đã có các hành động bất hợp pháp và vi phạm luật quốc tế khi theo đuổi những yêu sách về chủ quyền lãnh thổ ở Biển Đông. Sau phán quyết của Tòa trọng tài về Luật biển ở La Haye được Philippines yêu cầu làm trọng tài trong tranh chấp với Trung Quốc, Tòa trọng tài đã tuyên bố rằng: động thái của Trung Quốc trên Biển Đông là các hành động bất hợp pháp và vi phạm luật quốc tế. Việc Trung Quốc ngăn cấm ngư dân Philippines tiếp cận khu vực, xây dựng 7 đảo nhân tạo cùng với những hành động gây tổn hại với các rạn san hô và các loài động vật quý hiếm là những hành động vi phạm luật pháp. Điều này

đã làm dấy lên làn sóng phản đối trong lòng xã hội Trung Quốc với những tuyên bố như “Chủ quyền lãnh thổ Trung Quốc không phải là chuyện đưa ra trọng tài”. Thậm chí họ còn kêu gọi một cuộc chiến tranh với Mỹ và Philippines (Lê & Ngô, 2016). Bên cạnh đó, trong nhiều năm qua Mỹ đã gia tăng các động thái quân sự ở Biển Đông qua việc tăng cường sự hiện diện lực lượng quân sự đồng thời hỗ trợ và tập trận chung với nhiều nước đồng minh trong khu vực. Ngoài ra, chính quyền Washington còn thực hiện các chính sách nhằm bao vây và kiềm chế Trung Quốc. Chính những điều này đã dấy lên tâm lý phẫn nộ, bài trừ Mỹ trong dư luận Trung Quốc. Điều này được thể hiện rõ qua những lời kêu gọi của người dân Trung Quốc trên các trang mạng xã hội nhằm loại bỏ KFC, Starbucks, và iPhone của Mỹ ra khỏi thị trường Trung Quốc (Lê & Ngô, 2016). Trước làn sóng dư luận đó, chính quyền Trung Quốc phải đối mặt với áp lực khá lớn trong việc thực hiện các hành động của mình trong việc giải quyết xung đột. Do đó, thật không dễ để Bắc Kinh giữ được sự độc lập trong việc đưa ra các quyết định chiến lược mà bỏ qua các ảnh hưởng của nó đối với tâm lý công chúng. Qua đó có thể nhận thấy, đối với việc xây dựng và bảo vệ đất nước, Bắc Kinh khá hung hăng trên Biển Đông. Điều này có thể xuất phát từ sự thể hiện vai trò lãnh đạo mạnh mẽ của nhà cầm quyền và cũng nhằm mục tiêu giữ lấy các giá trị sức mạnh của Chủ nghĩa dân tộc. Chính bởi lẽ đó, Chủ nghĩa dân tộc là con dao hai lưỡi, vừa có khả năng tạo ra răn đe với đối thủ trong các cuộc xung đột, vừa có khả năng tạo ra sự hỗn loạn mất kiểm soát trong xã hội cũng như sự tác động mạnh mẽ của nó đối với chính quyền nhà nước, và đây cũng là nguyên nhân sâu xa giải thích cho các động thái trên Biển Đông của chính quyền Bắc Kinh.

Trước những thách thức ở Biển Đông, chính quyền Bắc Kinh cần phải thể hiện vai trò lãnh đạo của mình trước nhân dân. Mặc dù là quốc gia đơn đảng, không có sự cạnh tranh chính trị từ bất kỳ đảng đối lập nào, nhưng Đảng cộng sản Trung Quốc phải chịu áp lực khá lớn từ Chủ nghĩa dân tộc. Do đó, để hợp thức hóa tính chính danh của mình, chính quyền Trung Quốc cần phải có những hành động mạnh mẽ trước các vấn đề xã hội và xây dựng tầm nhìn, chính sách dẫn tới sự phát triển trong nước vì “tính chính danh của chế độ chủ yếu đến từ thành công trong cải cách kinh tế” (Anderlini, 2013). Vì vậy, những hành động hung hăng của Bắc Kinh ở Biển Đông có thể xuất phát từ việc thể hiện vai trò lãnh đạo mạnh mẽ của mình trước những đòi hỏi của công luận nhằm hợp thức hoá vai trò lãnh đạo của chính quyền Trung Quốc.

Giữa sự hỗn loạn trong xã hội và mối quan hệ an ninh căng thẳng với Mỹ cùng các nước trong khu vực, đòi hỏi chính quyền Trung Quốc phải thực hiện vai trò điều tiết các mâu thuẫn trong nước và trong quan hệ với bên ngoài. Mặc dù, Chủ nghĩa dân tộc có tác động đáng kể đến chính phủ Trung Quốc. Tuy nhiên, nước này vẫn có sự độc lập tương đối trong việc giải quyết các các vấn đề xung đột ở Biển Đông. Bởi lẽ, giải quyết vấn đề theo ý chí công luận sẽ dễ dẫn tới các tình trạng đối đầu nguy hiểm, có thể gây nên sự tổn hại đối với an ninh và sự phát triển ổn định của Trung Quốc. Do đó, Bắc Kinh cần thiết phải thể hiện sự hài hòa trong việc giải quyết các xung đột, được thể hiện qua việc Trung Quốc hạn chế sử dụng vũ trang để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông. Đặc biệt đối với Hoa Kỳ, Trung Quốc hạn chế vướng vào các cuộc đối đầu trực diện, chỉ dừng lại qua các tuyên bố của Bộ Ngoại giao nước này và cho đến hiện tại chưa có cuộc đối đầu quân sự nào xảy ra giữa hai nước. Điều đó cho thấy, Bắc Kinh vừa tận dụng tâm lý quá khích, nặng nề của dư luận để tạo hiệu ứng răn đe ở khu vực, nhưng đồng thời cũng thể hiện sự kiềm chế và né tránh những xung đột có thể dẫn tới đối đầu về quân sự.

Để giải quyết tâm lý hỗn loạn từ Chủ nghĩa dân tộc, chính quyền Trung Quốc đã tiếp cận ôn hoà và thân thiện hơn, cụ thể được thể hiện qua chiến lược BRI. Trong chiến lược này, Trung Quốc giữ sự thân thiện cần thiết để có thể hợp tác và kết nối thương mại với các nước. Điều này thoả mãn được các vấn đề lợi ích quốc gia dân tộc và cũng giữ được sự ổn định phát triển lâu dài của Trung Quốc. Từ những điều trên, có thể giải thích cho sự nhượng bộ của Trung Quốc ở Biển Đông để hạn chế các xung đột leo thang căng thẳng.

3.3. Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở tầng một của lý thuyết trò chơi hai tầng, Mỹ - Trung sẽ có sự kiềm chế nhất định trong việc tranh chấp ở Biển Đông để tránh dẫn tới đối đầu quân sự mà hai bên đều chịu thiệt hại. Do đó, Mỹ - Trung sẽ lựa chọn cân bằng lợi ích của cả hai để có được kết quả lợi ích tốt nhất. Tuy nhiên, với lựa chọn cân bằng này, hai bên vẫn chưa được thoả mãn về lợi ích cũng như tham vọng thực tế của mình ở Biển Đông. Do đó, Mỹ - Trung vẫn thực thi các tham vọng của mình ở khu vực này nhằm đạt được lợi ích cao nhất mà mỗi bên mong muốn, nên nhiều khả năng Mỹ - Trung sẽ có sự đối đầu trong tương lai. Bên cạnh đó, ở tầng hai của lý thuyết trò chơi, dưới sự tác động của chính trị nội bộ của Mỹ và Trung Quốc nhiều khả năng sẽ dẫn đến sự thay đổi trong

thỏa thuận ngầm giữa hai bên. Bởi lẽ, với xu hướng dư luận Mỹ ngày càng quan tâm đến mối đe dọa từ sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ thúc đẩy chính phủ Mỹ can thiệp vào các vấn đề ở Biển Đông nhằm kiềm chế sự bành trướng của Trung Quốc cũng như bảo vệ lợi ích và vị thế của Hoa Kỳ. Ngoài ra, dưới sự ảnh hưởng của Chủ nghĩa dân tộc, dư luận Trung Quốc đang tỏ ra hỗn loạn trước những vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia. Điều đó sẽ thúc đẩy chính quyền Trung Quốc thực hiện mạnh mẽ các hành động bành trướng của mình ở khu vực nhằm thể hiện vai trò lãnh đạo của chính phủ.

Chính vì những điều đó, trên cơ sở của lý thuyết trò chơi hai tầng, nhiều khả năng vẫn xảy ra tình trạng đối đầu ở Biển Đông giữa Mỹ và Trung Quốc trong tương lai.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong thời đại hội nhập quốc tế, hòa bình; hợp tác và phát triển như là một xu thế chung của thế giới. Vậy nhưng, sự cạnh tranh giữa các quốc gia chưa bao giờ dừng lại mà chỉ diễn ra với nhiều hình thức khác nhau. Biển Đông hiện nay cũng như một “chiến trường” giữa các cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia trong khu vực và nhất là giữa hai cường quốc thế giới hiện nay là Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Dù là Hoa Kỳ hay Trung Quốc cũng đều có những lợi ích, những nhu cầu bản thể riêng. Trung Quốc cần tài nguyên để cạnh tranh thương mại với Hoa Kỳ; cần nguồn năng lượng để tiếp tục duy trì sự phát triển cho hiện tại và tương lai sau này; cần địa chính trị cho mục đích an ninh quân sự, nhất là khi trong tình trạng các đồng minh của Mỹ đang bao vây. Đối với Mỹ thì ngược lại, để ngăn sự trỗi dậy của Bắc Kinh, Washington buộc phải can thiệp vào Biển Đông. Hơn nữa, nếu Trung Quốc chiếm được khu vực này sẽ đe dọa lớn tới vị thế bá quyền hiện tại cùng lợi ích của các đồng minh của Hoa Kỳ trong khu vực. Chính vì thế mà cả hai nước đều không chịu nhượng bộ, dẫn đến tình trạng căng thẳng tiếp diễn trên biển hiện nay.

Với Bắc Kinh mà nói, Biển Đông như là một “lãnh thổ” không thể không chiếm giữ khi mà cả phía bắc, tây và đông đều là những quốc gia lớn như Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, đồng thời còn là những đồng minh với Hoa Kỳ như Đài Loan, Hàn Quốc. Bởi vậy, Trung Quốc chỉ còn lựa chọn bành trướng đến khu vực Đông Nam Á - những quốc gia hiện còn đang phát triển, yếu thế hơn so với Bắc Kinh cả về kinh tế lẫn sức mạnh quân sự. Hơn nữa, những lợi ích mà Biển Đông mang lại là cơ hội to lớn để Trung Quốc vừa có thể bảo vệ những nhu cầu hiện tại vừa có thể có điều kiện “soán ngôi” Hoa Kỳ trong tương lai, vươn lên thành cường quốc dẫn đầu thế giới.

Riêng Hoa Kỳ, Biển Đông hay ASEAN là khu vực quan trọng của FOIP (Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở), đây là khu vực có nhiều đối tác kinh tế lớn của Hoa Kỳ điển hình như ASEAN. Nơi đây là thị trường xuất khẩu quan trọng của Mỹ, các hàng hóa đa của quốc gia này phần đều phải chuyên chở qua khu vực này. Vì thế, sự can thiệp của Mỹ là cần thiết để bảo vệ lợi ích chính đáng về kinh tế, an ninh, thương mại. Riêng về vấn đề an ninh - quân sự, vùng biển này có ý nghĩa địa chính trị quan trọng đối với Mỹ, do đây là “hành lang” nối liền giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương nên mọi hoạt động trên Biển Đông ít nhiều sẽ có tác động đến

Washington. Đối với các vấn nạn của an ninh phi truyền thống được dư luận quan tâm, Hoa Kỳ vẫn sẽ có những chính sách nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của mình tại khu vực. Không chỉ vậy, sự bành trướng hiện nay của Trung Quốc chính là mối đe dọa đến vị thế bá quyền và uy tín của Hoa Kỳ và lợi ích của các đồng minh trong khu vực. Chính vì vậy, Hoa Kỳ tập trung vào việc tăng cường hợp tác quân sự và an ninh, chiến lược với Philippines, Thái Lan, Việt Nam và Singapore, đồng thời tạo điều kiện cho quan hệ đối tác toàn diện với Indonesia và Malaysia, do đó tạo ra một mạng lưới an ninh và quân sự đa phương trong khu vực.

Với những lợi ích trên, cả Washington lẫn Bắc Kinh đều có những tầm nhìn và chiến lược của riêng mình để phù hợp với nhu cầu của quốc gia. Trong đó, BRI hay MSR là một trong những chiến lược quan trọng của Trung Quốc để có thể thực hiện tham vọng kiểm soát Biển Đông. Với Hoa Kỳ, FOIP chính là chiến lược nhằm mục đích đối trọng với BRI của Bắc Kinh nhằm ngăn chặn sự bành trướng của nước này ra thế giới.

Xung đột Mỹ - Trung xuất phát từ nhu cầu và lợi ích của mỗi bên trên cơ sở của chủ nghĩa hiện thực. Chính vì điều này đã khiến hai quốc gia đối đầu nhau ở Biển Đông. Từ góc độ lợi ích quốc gia và tham vọng bá quyền toàn cầu, Trung Quốc đã có những động thái bành trướng ở khu vực Biển Đông. Mặc dù vấp phải những thách thức khá lớn từ Mỹ và các nước trong khu vực, tuy nhiên các tham vọng của Trung Quốc về bành trướng quyền lực vẫn chưa có dấu hiệu “sẽ dừng lại”. Đối với Mỹ, nhu cầu bảo vệ vị thế toàn cầu và sự ổn định của khu vực để duy trì các lợi ích của Hoa Kỳ ở khu vực đã khiến nước này có sự can thiệp nhiều hơn vào các vấn đề ở Biển Đông trước những bất ổn và bành trướng của Trung Quốc ở khu vực. Tuy nhiên, những vấn đề nội bộ như dư luận, sự kiểm chế đối trọng trong hệ thống chính trị phần nào tác động đến mức độ can thiệp của Mỹ đối với khu vực Biển Đông. Do đó, sự mâu thuẫn lợi ích của Mỹ - Trung ở Biển Đông vẫn chưa kết thúc, nhiều khả năng Mỹ và Trung Quốc sẽ vẫn đối đầu nhau trong tương lai. Tuy nhiên, thông qua việc cân nhắc các nhu cầu và lợi ích của mỗi bên ở Biển Đông, vẫn có các khả năng Mỹ và Trung Quốc sẽ chấp nhận sự kiểm chế xung đột qua các thoả thuận mà hai bên đều có lợi.

2. Kiến Nghị

Qua bài nghiên cứu “*Đánh giá một số hoạt động của Trung Quốc và Hoa Kỳ trên Biển Đông giai đoạn 2010 - 2021 dựa trên chủ nghĩa hiện thực và lý thuyết trò*”

chơi hai tầng”, đề tài đã có những nhận định, đánh giá cơ bản và toàn diện đến các khía cạnh từ kinh tế đến an ninh trong khu vực dưới bối cảnh cạnh tranh giữa hai cường quốc trên Biển Đông hiện nay.

(i) Là một nước chịu ảnh hưởng trong cục diện cạnh tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc hiện nay, Việt Nam luôn cần có những chính sách ngoại giao hài hòa và trung lập giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc để giữ được những lợi ích thiết yếu đối với đất nước trong tương lai.

(ii) Trong khía cạnh an ninh quân sự, Việt Nam phải luôn giữ thái độ trung lập thông qua chính sách quốc phòng “4 không” của mình để giữ vững lập trường không bị kéo vào vòng xoáy cạnh tranh giữa hai nước.

(iii) Nâng cao vai trò của Việt Nam nhiều hơn thông qua các diễn đàn, chương trình nghị sự quốc tế để nêu lên lập trường của Việt Nam qua cuộc cạnh tranh giữa Hoa Kỳ với Trung Quốc.

(iv) Về phía Việt Nam, cần luôn tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trước những thông tin trái ngược, mang tính tuyên truyền,... để đảm bảo tình hình chính trị - xã hội được ổn định. Để làm được điều này, cần phải có sự can thiệp quyết liệt, tuyên truyền và biện pháp kiểm soát của tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abke, T. (2021, August 1). *Hoa Kỳ tặng tàu tuần tra để tăng cường an ninh hàng hải của Việt Nam*. Indo-Pacific Defense Forum. Retrieved from: <https://ipdefenseforum.com/vi/2021/08/hoa-ky-tang-tau-tuan-tra-de-tang-cuong-an-ninh-hang-hai-cua-viet-nam/>
2. Abke, T. (2021, October 9). *ASEAN đối phó với nạn buôn người ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương*. Indo-Pacific Defense Forum. Retrieved from: <https://ipdefenseforum.com/vi/2021/10/asean-doi-pho-voi-nan-buon-nguoi-o-khu-vuc-an-do-duong-thai-binh-duong/>
3. Almase, D. & Devi, A. (2020, July 1). *Duterte’s Gambit: How the Two-Level Game Theory Explains the Odds of Terminating the US Visiting Forces Agreement* National Defense College of the Philippines Academic Affairs Division. ISSN: 2719-0773
4. *America’s global leadership on combating human trafficking – USGLC*. (2020, February 11). USGLC. Retrieved from: <https://www.usglc.org/americas-global-leadership-on-combating-human-trafficking/>
5. An Nhiên. (2016). *Quan hệ Mỹ - ASEAN: hợp tác vì tương lai*. Tạp chí Công Sản. Retrieved from: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2016/37849/Quan-he-My-ASEAN-hop-tac-vi-tuong-lai.aspx>.
6. Anderlini, J. (2013, September 13). *How long can the Communist party survive in China?* Financial Times. Retrieved from: <https://www.ft.com/content/533a6374-1fdc-11e3-8861-00144feab7de>
7. Anwar, A. (2019, September 10). *Why the US and its allies should keep ASEAN at the centre*. The Interpreter. Retrieved from: <https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/why-us-and-its-allies-should-keep-asean-centre>
8. Aquilin, A. J. (2021, September 27). *Vững chắc trong Quan hệ hợp tác*. Indo-Pacific Defense Forum. Retrieved from: <https://ipdefenseforum.com/vi/2021/09/vung-chac-trong-quan-he-hop-tac/>
9. Aquilino, A. J. (2022, March 3). *Mục tiêu Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ: Thúc đẩy một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng*. Indo-Pacific Defense Forum. Retrieved from:

- <https://ipdefenseforum.com/vi/2022/03/muc-tieu-chien-luoc-an-do-duong-thai-binh-duong-cua-hoa-ky-thuc-day-mot-khu-vuc-an-do-duong-thai-binh-duong-tu-do-va-rong-mo/>
10. Bình An. (2021, September 23). *Thăm Singapore, bà Kamala Harris tái xác nhận cam kết của Mỹ ở Biển Đông*. Tuổi Trẻ. Retrieved from: <https://tuoitre.vn/tham-singapore-ba-kamala-harris-tai-xac-nhan-cam-ket-cua-my-o-bien-dong-20210823130706001.htm>
 11. Bộ ngoại giao Hoa Kỳ Văn Phòng Phát ngôn viên. (2020, March 31). *Hỗ trợ của Hoa Kỳ cho ASEAN trong cuộc chiến COVID-19*. Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. Retrieved from: <https://vn.usembassy.gov/vi/trang-thong-tin-ho-tro-cua-hoa-ky-cho-asean-trong-cuoc-chien-covid-19/>
 12. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. (2021, June 2). *Hợp tác an ninh giữa Hoa Kỳ và Việt Nam*. Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. Retrieved from: [https://vn.usembassy.gov/vi/hop-tac-an-ninh-giua-hoa-ky-va-viet-nam/#:~:text=T%E1%BB%AB%20n%C4%83m%202015%20C4%91%E1%BA%BFn%20n%C4%83m,m%E1%BA%A1i%20Tr%E1%BB%B1c%20ti%E1%BA%BFp%20\(DCS\).](https://vn.usembassy.gov/vi/hop-tac-an-ninh-giua-hoa-ky-va-viet-nam/#:~:text=T%E1%BB%AB%20n%C4%83m%202015%20C4%91%E1%BA%BFn%20n%C4%83m,m%E1%BA%A1i%20Tr%E1%BB%B1c%20ti%E1%BA%BFp%20(DCS).)
 13. Branson, A. (2021). 2021 China's Fishery Report. *GAIN*, Retrieved from: https://apps.fas.usda.gov/newgainapi/api/Report/DownloadReportByFileName?fileName=2021%20China%27s%20Fishery%20Report_Beijing_China%20-%20People%27s%20Republic%20of_12-17-2021.pdf
 14. Council on Foreign Relations. (2022). *China's Maritime Disputes 1895 – 2020*. Council on Foreign Relations. Retrieved from: <https://www.cfr.org/timeline/chinas-maritime-disputes>
 15. CSIS. (2018, June 13). *Máy Bay Ném Bom Đầu Tiên Của Trung Quốc Đáp Xuống Đảo Trên Biển Đông*. Asia Maritime Transparency Initiative. Retrieved from: <https://amti.csis.org/may-bay-nem-bom-dau-tien-cua-trung-quoc-dap-xuong-dao-tren-bien-dong/?lang=vi>.
 16. China Power Team. (2021, January 25). *How much trade transits the South China Sea?* ChinaPower Project. Retrieved from: <https://chinapower.csis.org/much-trade-transits-south-china-sea/>

17. ChinaTips. (2020, September 14). China, the global largest seafood market. *Roda International*. Retrieved from: <https://www.rodaint.com/blog/china-the-global-largest-seafood-market/>
18. Christian. (2021, March 8). *China's ambitions in the South China Sea*. Association of Accredited Public Policy Advocates to the European Union. Retrieved from: <https://www.aalep.eu/taxonomy/term/3124#main-content>
19. Du Lan. (2019, November 19). *New Developments in US-ASEAN Defense Cooperation*. China-US Focus. Retrieved from: <https://www.chinausfocus.com/peace-security/new-developments-in-us-asean-defense-cooperation>
20. Duy Hoàng. (2020, December 15). *Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tầm nhìn và thực tiễn*. Tạp chí Cộng Sản. Retrieved from: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/820763/chien-luoc-an-do-duong---thai-binh-duong--tam-nhin-va-thuc-tien.aspx>
21. Duy Hoàng. (2020, December 15). *Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tầm nhìn và thực tiễn*. Tạp chí Cộng Sản. Retrieved from: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/820763/chien-luoc-an-do-duong---thai-binh-duong--tam-nhin-va-thuc-tien.aspx>
22. Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. (2021, January 14). *Bảo vệ và gìn giữ một Biển Đông tự do và rộng mở*. Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. Retrieved from: <https://vn.usembassy.gov/vi/bao-ve-va-gin-giu-mot-bien-dong-tu-do-va-rong-mo/>
23. Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. (2021, September 2). *Các Sáng kiến Mới nhằm Mở rộng Quan hệ Đối tác Chiến lược Hoa Kỳ-ASEAN*. Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam.. Retrieved from: <https://vn.usembassy.gov/vi/to-thong-tin-cac-sang-kien-moi-nham-mo-rong-quan-he-doi-tac-chien-luoc-hoa-ky-asean/>
24. Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. (2022, February 12). *TRANG THÔNG TIN: Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa*

- Kỳ. Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. Retrieved from: <https://vn.usembassy.gov/vi/trang-thong-tin-chien-luoc-an-do-duong-thai-binh-duong-cua-hoa-ky/>
25. Đinh Hiệp. (2013, September 5). *Chủ tịch Trung Quốc thăm Indonesia, Malaysia: Mở ra cơ hội hợp tác mới*. Hà Nội Mới. Retrieved from: <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/The-gioi/621489/chu-tich-trung-quoc-tham-indonesia-malaysia-mo-ra-co-hoi-hop-tac-moi>
26. Frank, N. & Joseph, C. (2005, August 24). *Iraq Versus Vietnam: A Comparison of Public Opinion*. Gallup. Retrieved from: <https://news.gallup.com/poll/18097/iraq-versus-vietnam-comparison-public-opinion.aspx>
27. Goodman, M. P & Reinsch, W. A. (2022, January 26). *Filling In the Indo-Pacific Economic Framework*. CSIS. Retrieved from: <https://www.csis.org/analysis/filling-indo-pacific-economic-framework>
28. Hà, M, H. (2014, May 20). *Chính sách biển Đông của Mỹ hiện nay*. Tạp chí tài chính. Retrieved from: <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/nhan-dinh-du-bao/chinh-sach-bien-dong-cua-my-hien-nay-84275.html#:~:text=Nh%C6%B0%20v%E1%BA%ADy%2C%20l%E1%BB%A3i%20C3%ADch%20c%E1%BB%A7a,v%E1%BB%81%20ph%C3%ADa%20Nam%20l%E1%BB%A5c%20C4%91%E1%BB%8Ba>.
29. Hiếu Trung. (2021, May 10). *The Diplomat: Tham vọng tài nguyên đất hiếm của Trung Quốc ở Biển Đông giống 'vét dầu loang'*. Báo Thế giới và Việt Nam. Retrieved from: <https://baoquocte.vn/the-diplomat-tham-vong-tai-nguyen-dat-hiem-cua-trung-quoc-o-bien-dong-giong-vet-dau-loang-144539.html>
30. Hoàng Phạm. (2022, April 21). *Thủ tướng sẽ dự hội nghị cấp cao đặc biệt ASEAN-Hoa Kỳ tại Washington vào giữa tháng 5*. VOV. Retrieved from: <https://vov.vn/chinh-tri/thu-tuong-se-du-hoi-nghi-cap-cao-dac-biet-asean-hoa-ky-tai-washington-vao-giua-thang-5-post938664.vov>
31. Holmes, J. R. (2014) Strategic Features of the South China Sea: A Tough Neighborhood for Hegemons. *Naval War College Review*, 67(2). Article 5. Retrieved from: <https://digital-commons.usnwc.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1317&context=nwc-review>

32. *How effective is China's A2/AD in the South China Sea; By Commodore V Venugopal (Retd).* (2020, October 21). C3S India | Chennai Centre for China Studies. Retrieved from: <https://www.c3sindia.org/defence-security/how-effective-is-chinas-a2-ad-in-the-south-china-sea-by-commodore-v-venugopal-retd/>
33. Huyền Lê. (2022, March 5). *Trung Quốc tăng ngân sách quốc phòng 7,1%*. VnExpress. Retrieved from: <https://vnexpress.net/trung-quoc-tang-ngan-sach-quoc-phong-7-1-4435043.html>
34. Hương Trà. (2020, November 23). *Mỹ ủng hộ Philippines ở Biển Đông và tài trợ cho Philippines vũ khí chống khủng bố*. VOV. Retrieved from: <https://vov.vn/the-gioi/my-ung-ho-philippines-o-bien-dong-va-tai-tro-cho-philippines-vu-khi-chong-khung-bo-819480.vov>
35. Hương Trà. (2022, April 15). *ASEAN, Mỹ tái khẳng định cam kết tăng cường quan hệ đối tác chiến lược*. VOV. Retrieved from: <https://vov.vn/the-gioi/asean-my-tai-khang-dinh-cam-ket-tang-cuong-quan-he-doi-tac-chien-luoc-post937260.vov>
36. Hữu Chiến. (2021, October 10). *Hải quân Indonesia và hải quân Mỹ tiến hành tập trận chung*. Vietnamplus. Retrieved from: <https://www.vietnamplus.vn/hai-quan-indonesia-va-hai-quan-my-tien-hanh-tap-tran-chung/753222.vnp>
37. International Crisis Group. (2021, November 29). *The Recent History of the South China Sea: A Timeline*. International Crisis Group. Retrieved from: <https://www.crisisgroup.org/asia/south-east-asia/south-china-sea/recent-history-south-china-sea-timeline>
38. Jean-Marc F. Blanchard. (2017). *China's Maritime Silk Road Initiative (MSRI) and Southeast Asia: A Chinese 'pond' not 'lake' in the Works*. *Tandfonline*. <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/10670564.2018.1410959>
39. Khánh An. (2021, May 5). *Tổng thống Mỹ khẳng định quyết tâm bảo vệ các tuyến hàng hải qua Biển Đông, Bắc Cực*. Thanh Niên. Retrieved from: <https://thanhnien.vn/tong-thong-my-khang-dinh-quyet-tam-bao-ve-cac-tuyen-hang-hai-qua-bien-dong-bac-cuc-post1069434.html>
40. Lan Hương. (2022, March 7). *Trung Quốc tập trận hơn 10 ngày ở Biển Đông: Việt Nam đã giao thiệp với Trung Quốc*. Tuổi Trẻ Online. Retrieved from:

- <https://tuoitre.vn/trung-quoc-tap-tran-hon-10-ngay-o-bien-dong-viet-nam-da-giao-thiep-voi-trung-quoc-20220307190300503.htm>
41. Lê Minh. (2021, September 16). *Lợi ích thực sự từ dự án Con đường tơ lụa trên biển của Trung Quốc là gì?* NTD Việt Nam. Retrieved from: <https://www.ntdvn.net/kinh-te/loi-tuc-tu-du-an-con-duong-to-lua-tren-bien-cua-trung-quoc-ra-sao-249343.html>
42. Lê, H. H. & Ngô, V. N. (2016, September 18). *Công luận Trung Quốc về phán quyết Biển Đông*. Nghiên cứu quốc tế. Retrieved from: <https://nghiencuuquocte.org/2016/08/25/cong-luan-trung-quoc-phan-quyet-bien-dong/>
43. Lê, V. H. G. (2012). *Biển Đông trong chiến lược phát triển của các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương đầu thế kỷ XXI. Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 72(3), 87-100. Retrieved from: <https://hueuni.edu.vn/portal/data/doc/tapchi/101.pdf>
44. Lieser, E. K. (2021, February 22). *How much oil and gas is contained in the South China Sea?* The National Interest. Retrieved from: <https://nationalinterest.org/blog/buzz/how-much-oil-and-gas-contained-south-china-sea-178587>
45. McCormick, J. (2017). *American Domestic Politics, Public Opinion, and the South China Sea Disputes*. Paper prepared for presentation at the International Studies Association International. Conference, University of Hong Kong, Hong Kong, 15-18
46. Mỹ Loan. (2016, April 8). *Mỹ viện trợ quân sự cho Philippines lớn nhất trong 15 năm qua*. Báo tuổi trẻ. Retrieved from: <https://tuoitre.vn/my-vien-tro-quan-su-cho-philippines-lon-nhat-trong-15-nam-qua-1081285.htm>
47. Newport F and Carroll J. (2005). *Iraq Versus Vietnam: A Comparison of Public Opinion Gallup Reviews Public Opinion During The Vietnam War And The Current War In Iraq The Gallup*.
48. Newport, F. & Carroll, J. (2005, August 24). *Iraq Versus Vietnam: A Comparison of Public Opinion*. Gallup. Retrieved from: <https://news.gallup.com/poll/18097/iraq-versus-vietnam-comparison-public-opinion.aspx>

49. Ngô, D. N. (2007). Liên minh châu Âu với sự trỗi dậy của nền kinh tế Trung Quốc.
<http://thuvienso.bvu.edu.vn/bitstream/TVDHBRVT/7501/2/000000CVv181S102007035.pdf>
50. Ngô, T. B. L. (2018). Vai trò địa chính trị của khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ những năm đầu thế kỷ XXI. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54(3), 209-215. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.058>
51. Nguyễn, D. S. (2019, June 27). *Kỳ 1: Mục tiêu là không chế toàn bộ các chuỗi đảo*. VIETTINES NEW & ANALYSIS. Retrieved from: <https://viettimes.vn/ky-1-muc-tieu-la-khong-che-toan-bo-cac-chuoi-dao-post108342.html#>
52. Nguyễn, H. H. (2015, March 12). *Trung Quốc: Chiến lược trở thành cường quốc biển*. Nghiên cứu quốc tế. Retrieved from: <https://nghiencuuquocte.org/2015/03/17/trung-quoc-chien-luoc-cuong-quoc-bien/>
53. Nguyễn, H. N. (2015). *18 bản đồ giải thích về căng thẳng trên Biển Đông*. Bookhunter. Book Hunter. Retrieved from: <https://bookhunterclub.com/18-ban-giai-thich-ve-cang-thang-tren-bien-dong/>
54. Nguyễn, H. Q. (2009, May 6). *Trung Quốc trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu*. Tạp chí Cộng Sản. Retrieved from: https://tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/346/trung-quoc-truoc-cuoc-khung-hoang-tai-chinh-toan-cau.aspx
55. Nguyễn, T. L. (2019). *Những động thái của Trung Quốc và sự hiện diện của Mỹ ở Biển Đông*. Học viện Lục quân. Retrieved from: <http://hvlq.vn/tin-tuc/quoc-phong-an-ninh/nhung-dong-thai-cua-trung-quoc-va-su-hien-dien-cua-my-o-bien.html>.
56. Nguyễn, T. L. (2019, February 24). *Chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc và vấn đề Biển Đông*. Nghiên cứu quốc tế. Retrieved from: <https://nghiencuuquocte.org/2019/02/24/chu-nghia-dan-toc-trung-quoc-bien-dong/>
57. Nguyễn, T. T. (2017). Đông Nam Á trong điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc. *Khoa học xã hội Việt Nam*, 10, 99-104. Retrieved from:

- http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/Upload/Collection/brief/59480_272201885922nguyen%20thuy%20trang.pdf
58. Nguyễn, T. T. V. (2014). Các Trọng Điểm Trong Chính Sách Của Mỹ Ở Đông Nam Á Hiện Nay. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 7(80). <http://vci.vnu.edu.vn/upload/15022/pdf/576366ab7f8b9a1ec78b45ac.pdf>
59. Nhật Quỳnh. (2014, May 14). *Mỹ phản bác yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc trên biển Đông*. VOV. Retrieved from: <https://vov.vn/the-gioi/my-phan-bac-yeu-sach-duong-luoi-bo-cua-trung-quoc-tren-bien-dong-369840.vov>
60. Page, B. I & Shapiro, R. Y. (1983). Effects of Public Opinion on Policy. *Cambridge University Press*, 77(1), 175-190. Retrieved from: <https://doi.org/10.2307/1956018>
61. Phạm Bình. (2021, July 27). *Vị trí, vai trò của Biển Đông đối với thế giới, khu vực và Việt Nam*. Tạp chí Quốc phòng toàn dân. Retrieved from: <https://m.tapchiquotd.vn/vi/bien-dao-viet-nam/vi-tri-vai-tro-cua-bien-dong-doi-voi-the-gioi-khu-vuc-va-viet-nam-17428.html>
62. Phạm, N. M. T. (2022, January 15). *Mỹ vạch trần các yêu sách của Trung Quốc ở Biển Đông*. Tuổi Trẻ Online. Retrieved from: <https://tuoitre.vn/my-vach-tran-cac-yeu-sach-cua-trung-quoc-o-bien-dong-20220115073618994.htm>
63. Phạm, T. H. (2021, September 22). *Sáng kiến “Vành đai và con đường” của Trung Quốc và cơ hội, thách thức đối với Việt Nam*. Tạp chí Lý luận chính trị điện tử. Retrieved from: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/3698-sang-kien-%E2%80%9Cvanh-dai-va-con-duong%E2%80%9D-cua-trung-quoc-va-co-hoi-thach-thuc-doi-voi-viet-nam.html>
64. Phạm, T. T. B. & Vũ, N. Q. (2020, April 4). *“Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” của Mỹ: Vai trò và cách thức triển khai*. Tạp chí Cộng Sản. Retrieved from: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/816028/%E2%80%9Cchien-luoc-an-do-duong---thai-binh-duong-tu-do-va-rong-mo%E2%80%9D-cua-my--vai-tro-va-cach-thuc-trien-khai.aspx>
65. Quản trị. (2012, April 5). *Yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc trên Biển Đông và các luận điểm pháp lý*. Tạp chí Tia Sáng. Retrieved from:

- <https://tiasang.com.vn/-dien-dan/yeu-sach-duong-luoi-bo-cua-trung-quoc-tren-bien-dong-va-cac-luan-diem-phap-ly-5062/>
66. Richard ghiasy, Fei su and Lora saalman. (2017). The 21st century maritime silk road. *Sipri*. https://www.sipri.org/sites/default/files/2018-09/the_21st_century_maritime_silk_road_executive_summary.pdf
67. Sönnichsen, N. (2021, July 8). Oil consumption in China 1998-2020. *Statista*. Retrieved from: <https://www.statista.com/statistics/265235/oil-consumption-in-china-in-thousand-barrels-per-day/>
68. Tiasang. (2019). *Sáng kiến Vành đai và con đường: Trung Quốc đang vẽ lại bản đồ khoa học thế giới*. Khoa học và Phát triển. Retrieved from: <https://khoa hocphattrien.vn/khoa-hoc/du-bao-nhung-vung-bien-sap-bi-o-nhiem/2022051202512596p1c160.htm>
69. Thái Giang. (2012, February 12), *Chính sách Biển Đông của Mỹ trong quan hệ với Trung Quốc*. Nghiên cứu Biển Đông. Retrieved from: <https://nghiencuubiendong.vn/chinh-sach-bien-dong-cua-my-trong-quan-he-voi-trung-quoc.45709.aneews>
70. Thái Hân. (2021, September 7). *B3W và BRI: Hai đường thẳng song song?* Công an Nhân dân. Retrieved from: <https://cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/b3w-va-bri-hai-duong-thang-song-song--i627246/>
71. Thành Nguyễn. (2019, April 23). *Hải quân Trung Quốc sau 70 năm thành lập*. VnExpress. Retrieved from: <https://vnexpress.net/hai-quan-trung-quoc-sau-70-nam-thanh-lap-3913805.html>
72. Thu Thủy. (2020, July 14). *Ngoại trưởng Mỹ ra tuyên bố về Biển Đông, bác bỏ các yêu sách bất hợp pháp của Trung Quốc*. Viettimes. Retrieved from: <https://viettimes.vn/ngoi-truong-my-ra-tuyen-bo-ve-bien-dong-bac-bo-cac-yeu-sach-bat-hop-phap-cua-trung-quoc-post134237.html>
73. Trần Bông. (2009, December 29). *Biển Đông: Địa chiến lược và Tiềm năng kinh tế*. Nghiên cứu Biển Đông. Retrieved from: <https://nghiencuubiendong.vn/bien-dong-dia-chien-luoc-va-tiem-nang-kinh-te.44077.aneews>
74. Trần Quyên. (2022, January 14). *Kim ngạch thương mại của Trung Quốc lần đầu tiên vượt 6.000 tỷ USD*. Vietnamplus. Retrieved from:

- <https://www.vietnamplus.vn/kim-ngach-thuong-mai-cua-trung-quoc-lan-dau-tien-vuot-6000-ty-usd/768367.vnp>
75. Trần, N. S. (2016). Chiến lược Con đường tơ lụa mới của Trung Quốc. *Khoa học Xã hội Việt Nam*, (10), 17.
76. Trung Hiếu. (2016, May 14). *Trung Quốc điều tên lửa phòng không tới quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam*. VOV. Retrieved from: <https://vov.vn/quan-su-quoc-phong/phan-tich/trung-quoc-dieu-ten-lua-phong-khong-toi-quan-dao-hoang-sa-cua-viet-nam-480031.vov>.
77. Trung Hiếu. (2021, September 10). *Cuộc chiến của Mỹ chống khủng bố Hồi giáo hậu 11/9 tác động thế nào lên Đông Nam Á?* VOV. Retrieved from: <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/cuoc-chien-cua-my-chong-khung-bo-hoi-giao-hau-119-tac-dong-the-nao-len-dong-nam-a-889452.vov>
78. Venugopal, V. (2020, June 20). *How effective is China's A2/AD in the South China Sea*. 9DASHLINE. Retrieved from: <https://www.9dashline.com/article/how-effective-is-chinas-a2/ad-in-the-south-china-sea?s=08>
79. Việt Dũng (2012, November 13). *Mỹ gia cố “chuỗi đảo thứ nhất” để phong tỏa, bao vây Trung Quốc*. Tạp chí điện tử Giáo Dục Việt Nam. Retrieved from: <https://giaoduc.net.vn/tieu-diem/my-gia-co-chuoi-dao-thu-nhat-de-phong-toa-bao-vay-trung-quoc-post98121.gd>
80. Vũ Anh. (2021, May 6). *Chiến lược Mỹ - Nhật chặn 'yết hầu' tàu ngầm Trung Quốc*. VnExpress. Retrieved from: <https://vnexpress.net/chien-luoc-my-nhat-chan-yet-hau-tau-ngam-trung-quoc-4273549.html>
81. Vũ Hoàng. (2019, July 26). *Cách Trung Quốc chiếm bãi cạn Scarborough trên Biển Đông*. VnExpress. Retrieved from: <https://vnexpress.net/cach-trung-quoc-chiem-bai-can-scarborough-tren-bien-dong-3957395.html>.
82. Wang, O. (2022, May 7). *Coronavirus: China manufacturing sentiment trails world's major economies amid lockdowns*. China Macro Economy. Retrieved from: <https://www.scmp.com/economy/china-economy/article/3176802/coronavirus-china-manufacturing-sentiment-trails-worlds-major>

83. Workman, D. (2020). *Crude oil imports by country 2020*. World's Top Exports. Retrieved from: <https://www.worldstopexports.com/crude-oil-imports-by-country/>
84. Xuân Mai. (2022, February 13). *Mỹ "đón đầu" Trung Quốc*. Người Lao Động. Retrieved from: <https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/my-don-dau-trung-quoc-20220212203759493.htm>
85. Yoshihara, T. (2016). The 1974 Paracels Sea Battle: A Campaign Appraisal. *Naval War College Review*, 69(2), 41-65. Retrieved from: <https://digital-commons.usnwc.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1095&context=nwc-review>
86. Younis, M. (2021, March 16). *New High in Perceptions of China as U.S.'s Greatest Enemy*. Gallup. Retrieved from: <https://news.gallup.com/poll/337457/new-high-perceptions-china-greatest-enemy.aspx>
87. Zhang, H. (2012, September 16). *China's Evolving Fishing Industry: Implications for Regional and Global Maritime Security*. ResearchGate. Retrieved from: https://www.researchgate.net/publication/290437708_China%27s_Evolving_Fishing_Industry_Implications_for_Regional_and_Global_Maritime_Security